

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Niên chế)-SP Toán-2008 - 2012 (0806D01A) - Sĩ Số: 0 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NC0046	01				Chuyên đề 2: Phát triển LLDH Toán	1057	Phan Thị Tình	2	-234-----	N311	1234 7 567
NC0047	01				Chuyên đề 3: Chứng minh BĐT và PP qui nạp	1042	Trần Công Tấn	3	123-----	N311	1234 7 567
NC0045	01				Chuyên đề 1: Giải toán phổ thông	1149	Bùi Thị Thu Dung	4	1234-----	N311	1234 7 567
NC0046	01	01			Chuyên đề 2: Phát triển LLDH Toán	1057	Phan Thị Tình	5	123-----	N311	1234 7 567
NC0047	01	01			Chuyên đề 3: Chứng minh BĐT và PP qui nạp	1042	Trần Công Tấn	5	---456-----	N311	1234 7 567
NC0045	01	01			Chuyên đề 1: Giải toán phổ thông	1149	Bùi Thị Thu Dung	6	1234-----	N311	1234 7 567
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NC0776	01				Thực tập sư phạm 2			*			1234 7 567

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Niên chế)- Tiếng Anh-2008 - 2012 (0806D04A) - Sĩ Số: 0 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NC1325	01	01			Phiên dịch 3	1025	Nguyễn Đức Thắng	2	-234-----	N132	1234 78901234567
NC1329	01				Tiếng anh kinh tế	1030	Nguyễn Văn Thọ	3	-2345-----	N132	1234 78901234567
NC1324	01				Biên dịch 3	1025	Nguyễn Đức Thắng	4	-234-----	N132	1234 78901234567
NC1325	01				Phiên dịch 3	1025	Nguyễn Đức Thắng	5	-234-----	N132	1234 78901234567
NC1324	01	01			Biên dịch 3	1025	Nguyễn Đức Thắng	6	-234-----	N132	1234 78901234567
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NC1235	04				Thi TN, BV KLTN			*			1234 78901234567

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Niên chế)-SP GD Mầm non - 2008- 2012 (0806D05A) - Sĩ Số: 0 - GDTH & Mầm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NC0999	01				Tổ chức HD PT vận động cho trẻ	1035	Đỗ Thị Kim	2	-23-----	A7108	1234 7 567
NC0999	01	01			Tổ chức HD PT vận động cho trẻ	1035	Đỗ Thị Kim	2	---45-----	A7108	1234 7 567
NC0386	01				Quản lý GD Mầm non	1047	Lê Quang Toán	3	12-----	A7108	1234 7 567
NC0386	01	01			Quản lý GD Mầm non	1047	Lê Quang Toán	3	--34-----	A7108	1234 7 567
NC0998	01	01			Giáo dục DD-SK cho trẻ mầm non	1035	Đỗ Thị Kim	4	12-----	A7108	1234 7 567
NC0998	01				Giáo dục DD-SK cho trẻ mầm non	1035	Đỗ Thị Kim	4	--34-----	A7108	1234 7 567
NC0391	01				GD giới tính tuổi MN	1047	Lê Quang Toán	6	12-----	A7108	1234 7 567
NC0391	01	01			GD giới tính tuổi MN	1047	Lê Quang Toán	6	--34-----	A7108	1234 7 567
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NC1314	01				Thực tập sư phạm			*			1234 7 567
NC1315	01				Thi, BV KLTN			*			1234 7 567

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Niên chế) SP Địa lý 2008 - 2012 (0806D06A) - Sĩ Số: 0 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NC0209	01				Chuyên đề 2	1115	Nguyễn Minh Lan	2	-2345-----	N142	1234 7 567
NC0207	01				Dân cư môi trường miền núi Việt Nam	1168	Trần T Bích Hường	3	12-----	N142	1234 7 567
NC0207	01	01			Dân cư môi trường miền núi Việt Nam	1168	Trần T Bích Hường	3	--34-----	N142	1234 7 567
NC0208	01				Chuyên đề 1	1117	Đào Thị Kim Quế	4	1234-----	N142	1234 7 567
NC0209	01	01			Chuyên đề 2	1115	Nguyễn Minh Lan	5	1234-----	N142	1234 7 567
NC0208	01	01			Chuyên đề 1	1117	Đào Thị Kim Quế	6	1234-----	N142	1234 7 567
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NC0776	02				Thực tập sư phạm 2			*			1234 7 567
NC1235	05				Thi TN, BV KLTN			*			1234 7 567

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Niên chế) - Tiếng Trung -2008 - 2012 (0806D18A) - Sĩ Số: 0 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NC0705	01				Tiếng Hán thương mại	1202	Nguyễn Minh Huệ	2	-234-----	N133	1234 78901234567
NC0679	01				Ngôn ngữ và văn hoá TQ	1135	Ng Thị Ngọc Dung	3	-23-----	N133	1234 78901234567
NC0711	01				Thực hành dịch V	1102	Ng Thị Hoài Tâm	4	1234-----	N133	1234 78901234567
NC0677	01				Đất nước học TQ 3	1135	Ng Thị Ngọc Dung	5	-23-----	N133	1234 78901234567
NC0671	01				Ngữ pháp 2 (cú pháp)	1135	Ng Thị Ngọc Dung	6	12-----	N133	1234 78901234567
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NC1260	01				Thi TN, BVKL			*			1234 78901234567

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Địa-GDCD A -2009 - 2012 (0907C03A) - Sĩ Số: 44 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
DL2113	01	01			Thực địa 2 (thực địa tổng hợp)	1168	Trần T Bích Hường	2	-----8-----	A7203	234 789 67890
DL2113	01				Thực địa 2 (thực địa tổng hợp)	1168	Trần T Bích Hường	2	-----9-----	A7203	234 789 67890
LC2214	01				Lịch sử tư tưởng Việt Nam	1037	Nguyễn Ngọc Cường	3	-----789-----	A7203	234 789 67890
TG1203	02				Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục	1023	Cù Lan Thọ	4	-----890-----	A7203	234 789 67890
DL2267	01	01			Một số vấn đề trong dạy học địa lí ở trường phổ thông	1232	Vi Thị Hạnh Thi	5	-----78-----	A7203	4 789 67890
DL2267	01				Một số vấn đề trong dạy học địa lí ở trường phổ thông	1232	Vi Thị Hạnh Thi	5	-----90-----	A7203	4 789 67890
DL2366	01	01			Địa lí du lịch Việt Nam	1187	Chu Thị Thanh Hiền	6	-----78-----	A7203	4 789 67890
DL2366	01				Địa lí du lịch Việt Nam	1187	Chu Thị Thanh Hiền	6	-----901-----	A7203	4 789 67890
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
DL2424	01				Thực tập sư phạm 2			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Địa-GDCD B (ĐC) -2009 - 2012 (0907C03B) - Sĩ Số: 45 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
DL2113	01	01			Thực địa 2 (thực địa tổng hợp)	1168	Trần T Bích Hường	2	-----8-----	A7203	234 789 67890
DL2113	01				Thực địa 2 (thực địa tổng hợp)	1168	Trần T Bích Hường	2	-----9-----	A7203	234 789 67890
LC2214	01				Lịch sử tư tưởng Việt Nam	1037	Nguyễn Ngọc Cường	3	-----789-----	A7203	234 789 67890
TG1203	02				Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục	1023	Cù Lan Thọ	4	-----890-----	A7203	234 789 67890
DL2267	01	01			Một số vấn đề trong dạy học địa lí ở trường phổ thông	1232	Vi Thị Hạnh Thi	5	-----78-----	A7203	4 789 67890
DL2267	01				Một số vấn đề trong dạy học địa lí ở trường phổ thông	1232	Vi Thị Hạnh Thi	5	-----90-----	A7203	4 789 67890
DL2366	01	01			Địa lí du lịch Việt Nam	1187	Chu Thị Thanh Hiền	6	-----78-----	A7203	4 789 67890
DL2366	01				Địa lí du lịch Việt Nam	1187	Chu Thị Thanh Hiền	6	-----901-----	A7203	4 789 67890
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
DL2424	02				Thực tập sư phạm 2			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)- Mỹ thuật-2009 - 2012 (0907C05A) - Sĩ Số: 23 - Nhạc - Hoạ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
MT2204	01				Quản lí các hoạt động mỹ thuật	1049	Cù Xuân Tuyên	2	-----890-----	A9205	234 789 67890
MT2322	01				Bổ cục (3)	1159	Lương Công Tuyên	3	-----7890-----	A9205	234 789 67890
MT2313	01				Vẽ người (vẽ màu)	1159	Lương Công Tuyên	4	-----7890-----	A9205	234 789 67890
MT2349	01				Hình họa nghiên cứu	1079	Nguyễn Quang Hưng	5	-----78901-----	A9205	4 789 67890
MT2248	01				Bổ cục chất liệu	1159	Lương Công Tuyên	6	-----7890-----	A9205	4 789 67890
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
MT2429	01				Thực tập 2			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)- Âm nhạc-2009 - 2012 (0907C06A) - Sĩ Số: 25 - Nhạc - Hoạ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
AN2413	01				Hợp xướng	1050	Cao Hồng Phương	2	-----890-----	A9203	234 789 67890
AN2321	01				Tác khúc	1229	Đỗ Thị Nhung	3	-----7890-----	A9203	234 789 67890
AN2204	01				Mỹ học âm nhạc	1050	Cao Hồng Phương	4	-----78-----	A9203	234 789 67890
AN2218	01				Hình thức và thể loại âm nhạc 2	1225	Nguyễn Huy Oanh	4	-----901-----	A9203	234 789 67890
AN2224	01				Dàn dựng chương trình tổng hợp	1167	Tạ Thị Thu Hiền	5	-----789-----	A9203	234 789 67890
AN2202	01				Quản lí các hoạt động âm nhạc	1077	Bùi Thị Mai Lan	6	-----789-----	A9203	234 789 67890
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
AN2429	01				Thực tập 2			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tín chỉ)-SP Lý-Hóa A - 2009 - 2012 (0907C11A) - Sĩ Số: 46 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
VL2307	01				Vật lý lượng tử	1114	Ng Thị Thanh Vân	2	-2345-----	N322	234 789 67890
VL2309	01				Kỹ thuật Điện - Điện tử	1410	Nguyễn Thị Thu Hòa	3	1234-----	N322	234 789 67890
VL2226	01				Sử dụng máy tính trong dạy học vật lí	1180	Ng Thị Hồng Thoa	4	12-----	N322	4 789 67890
TG1203	01				Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục	1186	Ng Thị Mai Hương	4	--345-----	N322	234 789 67890
HH2206	01				ứng dụng CNTT trong giảng dạy hóa học	1151	Nguyễn Mạnh Hùng	5	123-----	N322	234 789 67890
VL2226	01	01			Sử dụng máy tính trong dạy học vật lí	1180	Ng Thị Hồng Thoa	5	---45-----	N322	4 789 67890
VL2362	01				Kĩ thuật điện tử số	1241	Phạm Thị Kim Huệ	6	123-----	N322	4 789 67890
VL2362	01	01			Kĩ thuật điện tử số	1241	Phạm Thị Kim Huệ	6	---45-----	N322	4 789 67890
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
VL2435	01				Thực tập sư phạm 2			*			234 789 67890

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Lý-Hóa B (ĐC)- 2009 - 2012 (0907C11B) - Sĩ Số: 36 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
VL2307	01				Vật lý lượng tử	1114	Ng Thị Thanh Vân	2	-2345-----	N322	234 789 67890
VL2309	01				Kỹ thuật Điện - Điện tử	1410	Nguyễn Thị Thu Hòa	3	1234-----	N322	234 789 67890
VL2226	01				Sử dụng máy tính trong dạy học vật lí	1180	Ng Thị Hồng Thoa	4	12-----	N322	4 789 67890
TG1203	01				Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục	1186	Ng Thị Mai Hương	4	--345-----	N322	234 789 67890
HH2206	01				ứng dụng CNTT trong giảng dạy hóa học	1151	Nguyễn Mạnh Hùng	5	123-----	N322	234 789 67890
VL2226	01	01			Sử dụng máy tính trong dạy học vật lí	1180	Ng Thị Hồng Thoa	5	---45-----	N322	4 789 67890
VL2362	01				Kĩ thuật điện tử số	1241	Phạm Thị Kim Huệ	6	123-----	N322	4 789 67890
VL2362	01	01			Kĩ thuật điện tử số	1241	Phạm Thị Kim Huệ	6	---45-----	N322	4 789 67890
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
VL2435	02				Thực tập sư phạm 2			*			234 789 2345678

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Thể dục-CTĐ A - 2009 - 2012 (0907C13A) - Sĩ Số: 44 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
CD2205	01				Hoạt động Trại, tham quan, du lịch thiếu nhi	1235	Phạm Anh Thế	2	-----890-----	A7103	234 789 67890
TC2327	01				Phương pháp dạy học thể dục	1036	Vũ Doanh Đông	3	-----789-----	A7103	4 789 67890
TC2327	01	01			Phương pháp dạy học thể dục	1036	Vũ Doanh Đông	3	-----01-----	A7103	4 789 67890
TG1203	02				Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục	1023	Cù Lan Thọ	4	-----890-----	A7203	234 789 67890
TC2208	01				Tâm lý học TDTT + Thực tế huấn luyện và thi đấu TDTT	1240	Đặng Thành Trung	5	-----789-----	A7103	234 789 67890
TC2226	01	01			Huấn luyện thể thao	1240	Đặng Thành Trung	5	-----01-----	A7103	4 789 67890
TC2226	01				Huấn luyện thể thao	1240	Đặng Thành Trung	6	-----78-----	A7103	4 789 67890
TC2215	01				Cầu lông + Đá cầu	1199	Nguyễn Hoàng Điệp	6	-----901-----	A7103	234 789 67890
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TC2423	01				Thực tập sư phạm 2			*			234 789 67890

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Thể dục-CTĐ B (ĐC) - 2009 - 2012 (0907C13B) - Sĩ Số: 13 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
CD2205	01				Hoạt động Trại, tham quan, du lịch thiếu nhi	1235	Phạm Anh Thế	2	-----890-----	A7103	234 789 67890
TC2327	01				Phương pháp dạy học thể dục	1036	Vũ Doanh Đông	3	-----789-----	A7103	4 789 67890
TC2327	01	01			Phương pháp dạy học thể dục	1036	Vũ Doanh Đông	3	-----01-----	A7103	4 789 67890
TG1203	02				Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục	1023	Cù Lan Thọ	4	-----890-----	A7203	234 789 67890
TC2208	01				Tâm lý học TDTT + Thực tế huấn luyện và thi đấu TDTT	1240	Đặng Thành Trung	5	-----789-----	A7103	234 789 67890
TC2226	01	01			Huấn luyện thể thao	1240	Đặng Thành Trung	5	-----01-----	A7103	4 789 67890
TC2226	01				Huấn luyện thể thao	1240	Đặng Thành Trung	6	-----78-----	A7103	4 789 67890
TC2215	01				Cầu lông + Đá cầu	1199	Nguyễn Hoàng Điệp	6	-----901-----	A7103	234 789 67890
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TC2423	02				Thực tập sư phạm 2			*			234 789 2345678

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP Toán-2009 - 2013 (0907D01A) - Sĩ Số: 54 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TN2230	01				Phương pháp tính	1046	Vũ Ngọc Trì	2	-----89-----	N311	7890123456789012
TN2222	01				Phương trình vi phân	1172	Trần Anh Tuấn	2	-----01-----	N311	7890123456789012
TN2321	01				Hình học xạ ảnh	1031	Nguyễn Chí Thanh	3	-----789-----	N311	7890123456789012
TN2223	01				Quy hoạch tuyến tính	1024	Hoàng Công Kiên	4	-----78-----	N311	7890123456789012
LC1303	08			1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	5	-----789-----	HDH403	7890123456789012
TN2225	01				Hàm phức 1	1085	Nguyễn Tiến Mạnh	6	-----78-----	N311	7890123456789012
TN2324	01				Xác suất thống kê 3	1149	Bùi Thị Thu Dung	6	-----901-----	N311	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
LC1303	02				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	*			

In Ngày 03/02/12

**Phụ Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP GD Tiểu học A -2009 - 2013 (0907D03A) - Sĩ Số: 52 - GDTH & Mầm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LC1303	01				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1262	Nguyễn Thị Ngọc	2	-----890-----	A7202	7890123456789012
TH2225	01				PPDH Toán học ở tiểu học 1	1009	Trần Ngọc Thuý	3	-----78-----	A6103	7890123456789012
TH2246	01				PPDH thủ công và kỹ thuật ở tiểu học	1134	Lê Thị Hồng Chi	4	-----78-----	A6103	7890123456789012
TH2250	01				PPDH Mỹ thuật ở tiểu học	1049	Cù Xuân Tuyên	4	-----90-----	A6103	7890123456789012
TH2248	01				PPDH Âm nhạc ở tiểu học	1225	Nguyễn Huy Oanh	5	-----78-----	A6103	7890123456789012
TH2251	01				PPDH Thể dục ở tiểu học	1199	Nguyễn Hoàng Điệp	5	-----90-----	A6103	7890123456789012
TH2309	01				PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1	1019	Đình Thị Lục	6	-----789-----	A10201	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TH2354	01				Thực tập sư phạm 1			*			7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP GD Tiểu học B (ĐC) -2009 - 2013 (0907D03B) - Sĩ Số: 38 - GDTH & Mầm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LC1303	01				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1262	Nguyễn Thị Ngọc	2	-----890-----	A7202	7890123456789012
TH2251	02				PPDH Thể dục ở tiểu học	1258	Cao Huy Tiến	3	-----89-----	A6108	7890123456789012
TH2248	02				PPDH Âm nhạc ở tiểu học	1225	Nguyễn Huy Oanh	3	-----01-----	A6108	7890123456789012
TH2250	02				PPDH Mỹ thuật ở tiểu học	1049	Cù Xuân Tuyên	4	-----78-----	A6108	7890123456789012
TH2246	02				PPDH thủ công và kỹ thuật ở tiểu học	1134	Lê Thị Hồng Chi	4	-----90-----	A6108	7890123456789012
TH2225	02				PPDH Toán học ở tiểu học 1	1009	Trần Ngọc Thuý	5	-----78-----	A6108	7890123456789012
TH2309	01			1	PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1	1019	Đình Thị Lục	6	-----789-----	A10201	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TH2309	02				PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1	1019	Đình Thị Lục	*			7890123456789012
TH2354	02				Thực tập sư phạm 1			*			7890123456789012

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Tiếng Anh-2009 - 2013 (0907D04A) - Sĩ Số: 54 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TA1238	01				Ngôn ngữ học đối chiếu	1071	Phạm Thị Thu Hương	2	-----89-----	N123	234 7890123456789012
TA2219	01				Văn hoá Anh	1097	Ng Thị Bạch Dương	2	-----01-----	N123	234 7890123456789012
TA2323	01				Phiên dịch 1	1141	Nguyễn Thị Tố Loan	3	-----789-----	N123	234 7890123456789012
LC1303	05				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1110	Lưu Thế Vinh	4	-----789-----	HDH301	234 7890123456789012
TA2218	01				Văn học Anh - Mỹ	1097	Ng Thị Bạch Dương	5	-----78-----	N123	234 7890123456789012
TA2322	01				Biên dịch 1	1025	Nguyễn Đức Thắng	6	-----789-----	N123	234 7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TA2333	01				Thực tập 1			*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP GD Mầm non-2009 - 2013 (0907D05A) - Sĩ Số: 56 - GDTH & Mầm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LC1303	01				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1262	Nguyễn Thị Ngọc	2	-----890-----	A7202	7890123456789012
MN2311	01				Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	1087	Nguyễn T.Thu Thủy	3	-----789-----	A10104	7890123456789012
MN2221	01				Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	1164	Ng Thị Hồng Vân	3	-----01-----	A10104	7890123456789012
MN2416	01				Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	1179	Lưu Ngọc Sơn	4	-----7890-----	A10104	7890123456789012
MN2410	01				Vệ sinh trẻ em	1048	Hà Thị ánh Hồng	5	-----7890-----	A10104	7890123456789012
MN2303	01				Tiếng Việt thực hành	1087	Nguyễn T.Thu Thủy	6	-----789-----	A7202	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
MN2325	01				Thực tập sư phạm 1			*			7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP Toán - Lý-2009 - 2013 (0907D08A) - Sĩ Số: 50 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
VL2222	01				Lí luận dạy học vật lí 1	1043	Trần Mạnh Cẩm	2	-----89-----	N312	7890123456789012
TN2222	02				Phương trình vi phân	1042	Trần Công Tấn	2	-----01-----	N312	7890123456789012
TN2254	01				Xác suất thống kê 2	1149	Bùi Thị Thu Dung	3	-----78-----	N312	7890123456789012
TN1206	01				Lịch sử Toán	1172	Trần Anh Tuấn	3	-----90-----	N312	7890123456789012
TN1205	01				Maple	1172	Trần Anh Tuấn	4	-----78-----	N312	7890123456789012
VL2223	01				Lí luận dạy học vật lí 2	1043	Trần Mạnh Cẩm	4	-----90-----	N312	7890123456789012
LC1303	08			1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	5	-----789-----	HDH403	7890123456789012
TN2453	01				Hình học cao cấp	1031	Nguyễn Chí Thanh	6	-----7890-----	N312	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
LC1303	02				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP Sử-GDCD A -2009 - 2013 (0907D09A) - Sĩ Số: 55 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LC2313	01				PP giảng dạy môn giáo dục công dân	1163	Đoàn Anh Phượng	2	-----890-----	N122	7890123456789012
LS1205	01				Lịch sử Đông Nam á đại cương	1195	Đoàn Thị Loan	3	-----78-----	N122	7890123456789012
LS2222	01				Những vấn đề lịch sử Trung Quốc cổ - trung đại	1195	Đoàn Thị Loan	3	-----90-----	N122	7890123456789012
LS2320	01				Quan hệ quốc tế từ cuối thế kỷ XIX đến nay	1139	Trần Văn Hùng	4	-----789-----	N122	7890123456789012
LC2208	01				Chính trị học đại cương	1124	Ng Thị Thanh Hương	4	-----01-----	N122	7890123456789012
LC1303	08			1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	5	-----789-----	HDH403	7890123456789012
LS2212	01				Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử	1083	Triệu T. Hương Liên	6	-----78-----	N133	7890123456789012
LS2210	01				Lịch sử ngoại giao và Lịch sử quân sự Việt Nam	1139	Trần Văn Hùng	6	-----90-----	N133	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
LC1303	04				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP Sử-GDCD B (ĐC) -2009 - 2013 (0907D09B) - Sĩ Số: 58 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LC2313	01				PP giảng dạy môn giáo dục công dân	1163	Đoàn Anh Phượng	2	-----890-----	N122	7890123456789012
LS1205	01			1	Lịch sử Đông Nam á đại cương	1195	Đoàn Thị Loan	3	-----78-----	N122	7890123456789012
LS2222	01			1	Những vấn đề lịch sử Trung Quốc cổ - trung đại	1195	Đoàn Thị Loan	3	-----90-----	N122	7890123456789012
LS2320	01				Quan hệ quốc tế từ cuối thế kỷ XIX đến nay	1139	Trần Văn Hùng	4	-----789-----	N122	7890123456789012
LC2208	01				Chính trị học đại cương	1124	Ng Thị Thanh Hương	4	-----01-----	N122	7890123456789012
LC1303	08			1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	5	-----789-----	HDH403	7890123456789012
LS2210	02				Lịch sử ngoại giao và Lịch sử quân sự Việt Nam	1139	Trần Văn Hùng	6	-----78-----	N142	7890123456789012
LS2212	02				Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử	1083	Triệu T. Hương Liên	6	-----90-----	N142	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
LC1303	04				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	*			234 7890123456789012
LS1205	02				Lịch sử Đông Nam á đại cương			*			7890123456789012
LS2222	02				Những vấn đề lịch sử Trung Quốc cổ - trung đại			*			7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Kế toán A-2009 - 2013 (0907D10A) - Sĩ Số: 54 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NH2220	01				Phân tích tài chính	1100	Trần Thị Bích Nhân	2	-----89-----	N221	234 7890123456789012
KE2306	01				Kế toán quốc tế	1108	Phạm Thị Nhị An	3	-----789-----	N221	234 7890123456789012
LC1303	03				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1162	Nguyễn Thị Luận	4	-----789-----	HDH403	234 7890123456789012
KE2204	01				Thuế nhà nước	1203	Trần Quốc Hoàn	5	-----7890-----	N221	234 78901
KE2216	01				Kế toán thuế	1216	Nguyễn Thu Hiền	5	-----7890-----	N221	23456789012
QT2209	01				Quản trị doanh nghiệp	1120	Phạm Thị Thu Hương	6	-----78-----	N221	234 7890123456789012
TI2245	01				Tin học ứng dụng	1144	Vũ Thị Thu Minh	6	-----90-----	N221	234 7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
KE2317	03				Thực tập 1			*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Kế toán B (ĐC)-2009 - 2013 (0907D10B) - Sĩ Số: 15 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NH2220	01				Phân tích tài chính	1100	Trần Thị Bích Nhân	2	-----89-----	N221	234 7890123456789012
KE2306	01				Kế toán quốc tế	1108	Phạm Thị Nhị An	3	-----789-----	N221	234 7890123456789012
LC1303	03				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1162	Nguyễn Thị Luận	4	-----789-----	HDH403	234 7890123456789012
KE2204	01				Thuế nhà nước	1203	Trần Quốc Hoàn	5	-----7890-----	N221	234 78901
KE2216	01				Kế toán thuế	1216	Nguyễn Thu Hiền	5	-----7890-----	N221	23456789012
QT2209	01				Quản trị doanh nghiệp	1120	Phạm Thị Thu Hương	6	-----78-----	N221	234 7890123456789012
TI2245	01				Tin học ứng dụng	1144	Vũ Thị Thu Minh	6	-----90-----	N221	234 7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
KE2317	02				Thực tập 1			*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Quản trị KD-2009 - 2013 (0907D11A) - Sĩ Số: 62 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KT2214	02				Thống kê doanh nghiệp	1409	Dương Thị Dung	2	-----89-----	N211	234 7890123456789012
QT2305	01				Quản trị tài chính	1401	Nguyễn Ngọc Quế	3	-----789-----	N211	234 7890123456789012
TI2245	02				Tin học ứng dụng	1177	Ngthị Thu Hương	3	-----01-----	N211	234 7890123456789012
LC1303	03				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1162	Nguyễn Thị Luận	4	-----789-----	HDH403	234 7890123456789012
KE2305	01				Kế toán quản trị	1108	Phạm Thị Nhị An	5	-----789-----	N211	234 7890123456789012
QT2213	01				Quản trị chất lượng	1217	Vũ Huyền Trang	5	-----01-----	N211	234 7890123456789012
QT2307	01				Quản trị Marketing	1140	Phạm Thị Thu Hường	6	-----789-----	N211	234 7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QT2315	01				Thực tập 1			*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Trồng trọt-2009 - 2013 (0907D12A) - Sĩ Số: 37 - Nông - Lâm - Ngư**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TT2218	01				Bảo quản chế biến nông sản	1222	Trần Thành Vinh	2	-----89-----	N332	234 7890123456789012
TT2415	01				Cây công nghiệp	1122	Hà Thị Thanh Đoàn	3	-----7890-----	N332	23456789012
TT2415	01	01			Cây công nghiệp	1207	Phan Chí Nghĩa	3	-----7890-----	N332	234 78901
LC1303	05				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1110	Lưu Thế Vinh	4	-----789-----	HDH301	234 7890123456789012
NN2212	01				Tiếng Anh chuyên ngành	1141	Nguyễn Thị Tố Loan	5	-----78-----	N332	234 7890123456789012
TT2219	01				Công nghệ sinh học trong trồng trọt	1254	Lê Thị Mận	5	-----90-----	N332	234 7890123456789012
KT2220	01				Thương hiệu và thị trường nông sản	1409	Dương Thị Dung	6	-----78-----	N332	234 7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TT2224	01				Hệ thống nông nghiệp	NL01	Nông - Lâm - Ngư NL01	*			234 7 23456789012
TT2328	01				Thực tập 1			*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- C.Nuôi - Thú y-2009 - 2013 (0907D13A) - Sĩ Số: 19 - Nông - Lâm - Ngư**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
CN2220	01				Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi	1128	Phan Thị Yến	2	-----89-----	N331	234 7890123456789012
KT2223	01				Kinh tế và quản trị kinh doanh chăn nuôi	1120	Phạm Thị Thu Hương	2	-----01-----	N331	234 7890123456789012
CN2323	01				Chăn nuôi gia cầm	1243	Hoàng T. Hồng Nhung	3	-----789-----	N331	234 7890123456789012
LC1303	05				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1110	Lưu Thế Vinh	4	-----789-----	HDH301	234 7890123456789012
CN2221	01				Nuôi ong	1243	Hoàng T. Hồng Nhung	5	-----78-----	N331	234 7890123456789012
CN2219	01				Bệnh sản khoa	1184	Trịnh Thị Quý	5	-----90-----	N331	234 7890123456789012
CN2322	01				Chăn nuôi lợn	1249	Đặng Hoàng Lâm	6	-----789-----	N331	234 7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
CN2325	01				Thực tập 1			*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Tin học-2009 - 2013 (0907D15A) - Sĩ Số: 46 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TI2324	01				Lập trình hướng đối tượng	1208	Đình Thái Sơn	2	-----890-----	N321	234 7890123456789012
LC1303	07			1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	3	-----789-----	HDH301	234 7890123456789012
TI2325	01				Công nghệ phần mềm	1403	Nguyễn Hùng Cường	4	-----789-----	N321	234 7890123456789012
TI2327	01				Mạng máy tính	1144	Vũ Thị Thu Minh	5	-----789-----	N321	234 7890123456789012
TI2323	01				Thiết bị ngoại vi và ghép nối	1402	Phạm Đức Thọ	6	-----789-----	N321	234 7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
LC1303	02				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	*			
TI2336	01				Thực tập 1			*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- T.Chính N.Hàng A -2009 - 2013 (0907D16A) - Sĩ Số: 52 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NH2313	02				Phân tích và Đầu tư chứng khoán	1287	Nguyễn Thị Thu Hường	2	-----890-----	N222	234 7890123456789012
TI2245	03				Tin học ứng dụng	1144	Vũ Thị Thu Minh	3	-----78-----	N222	234 7890123456789012
NN2313	01				Tiếng Anh chuyên ngành	1073	Ng Thị Thu Hằng	3	-----901-----	N222	234 7890123456789012
NH2306	01				Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương	1287	Nguyễn Thị Thu Hường	4	-----789-----	N222	234 7890123456789012
KE2204	02				Thuế nhà nước	1203	Trần Quốc Hoàn	4	-----01-----	N222	234 7890123456789012
NH2311	01				Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	1100	Trần Thị Bích Nhân	5	-----789-----	N222	234 7890123456789012
LC1303	06				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	6	-----789-----	N222	234 7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NH2316	01				Thực tập 1			*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- T.Chính N.Hàng B (ĐC) - 2009 - 2013 (0907D16B) - Sĩ Số: 30 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NH2313	02				Phân tích và Đầu tư chứng khoán	1287	Nguyễn Thị Thu Hường	2	-----890-----	N222	234 7890123456789012
TI2245	03				Tin học ứng dụng	1144	Vũ Thị Thu Minh	3	-----78-----	N222	234 7890123456789012
NN2313	01			1	Tiếng Anh chuyên ngành	1073	Ng Thị Thu Hằng	3	-----901-----	N222	234 7890123456789012
NN2313	02				Tiếng Anh chuyên ngành	1073	Ng Thị Thu Hằng	4	123-----	N213	234 7890123456789012
NH2306	01				Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương	1287	Nguyễn Thị Thu Hường	4	-----789-----	N222	234 7890123456789012
KE2204	02				Thuế nhà nước	1203	Trần Quốc Hoàn	4	-----01-----	N222	234 7890123456789012
NH2311	01				Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	1100	Trần Thị Bích Nhân	5	-----789-----	N222	234 7890123456789012
LC1303	06				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	6	-----789-----	N222	234 7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NH2316	02				Thực tập 1			*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Việt Nam Học-2009 - 2013 (0907D17A) - Sĩ Số: 67 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
VN1202	01				Hán Nôm II	1045	Bùi Văn Hùng	2	-----89-----	N132	234 7890123456789012
LC1303	07			1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	3	-----789-----	HDH301	234 7890123456789012
VN1205	01				Lịch sử - Văn hoá - Con người Hà Nội	1200	Đình Văn Thuận	4	-----78-----	N132	234 7890123456789012
VN2237	01				Du lịch văn hoá Việt Nam	1219	Nguyễn Thị Huyền	5	-----78-----	N132	23456789012
VN1205	01	01			Lịch sử - Văn hoá - Con người Hà Nội	1200	Đình Văn Thuận	5	-----78-----	N132	234 78901
VN2326	01				Văn học thế giới 2	1040	Trần Văn Thục	6	-----789-----	N132	234 7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
LC1303	04				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1034	Bùi Thị Lý	*			234 7890123456789012
VN2229	01				Ngôn ngữ học đối chiếu 1	XH03	KHXH & NV XH03	*			234 7890123456789012
VN2343	01				Thực tập 1			*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Tiếng Trung-2009 - 2013 (0907D18A) - Sĩ Số: 56 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TQ2428	01				Biên dịch 1	1202	Nguyễn Minh Huệ	2	-----8901-----	N131	234 7890123456789012
TQ2225	01				Đất nước học Trung Quốc	1253	Chu Thị Tú Anh	3	-----78-----	N131	234 7890123456789012
LS1334	02			1	Lịch sử quan hệ quốc tế	1405	Nguyễn Thị Ngọc Dung	3	-----901-----	N131	7890123456789012
LC1303	05				Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	1110	Lưu Thế Vinh	4	-----789-----	HDH301	234 7890123456789012
TQ2323	01				Ngữ pháp	1135	Ng Thị Ngọc Dung	5	-----78-----	N131	234 7890123456789012
NV1205	02				Phân tích văn bản tiếng Việt	1051	Quách Ph Ph Nhân	5	-----90-----	N131	4 7890123456789012
TQ2233	01				Tiếng Hán du lịch	1253	Chu Thị Tú Anh	6	-----78-----	N131	234 7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
LS1334	01				Lịch sử quan hệ quốc tế	1405	Nguyễn Thị Ngọc Dung	*			234 7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Địa-GDCD A -2010 - 2013 (1008C03A) - Sĩ Số: 54 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LC2409	01				Pháp luật chuyên ngành	1248	Phạm Lan Hương	2	-----8901-----	AGD001	234 789012 678901
DL2211	01				Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1	1115	Nguyễn Minh Lan	3	-----78-----	A7107	234 789012 678901
DL2106	01				Thực địa 1 (Thực địa tự nhiên)	1232	Vi Thị Hạnh Thi	3	-----90-----	A7107	234 789012 678901
NN1203	01				Tiếng Anh (3)	1071	Phạm Thị Thu Hương	4	-----78-----	A7107	234 789012 678901
DL2207	01				Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	1232	Vi Thị Hạnh Thi	4	-----90-----	A7107	234 789012 678901
LC2311	01				Hành chính nhà nước	1262	Nguyễn Thị Ngọc	5	-----789-----	A7202	234 789012 678901
DL1218	04				Cơ sở khoa học môi trường	1288	Lê Thị Bích Ngọc	6	-----78-----	A7107	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
DL1218	05			1	Cơ sở khoa học môi trường	1288	Lê Thị Bích Ngọc	*			234 789012 678 01

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Địa-GDCD B (ĐC)-2010 - 2013 (1008C03B) - Sĩ Số: 100 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LC2409	01				Pháp luật chuyên ngành	1248	Phạm Lan Hương	2	-----8901-----	AGD001	234 789012 678901
DL2106	02			1	Thực địa 1 (Thực địa tự nhiên)	1232	Vi Thị Hạnh Thi	3	-----78-----	A7204	234 789012 678901
NN1203	02				Tiếng Anh (3)	1244	Phạm Lệ Thủy	3	-----90-----	A7204	234 789012 678901
DL2207	02			1	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	1232	Vi Thị Hạnh Thi	4	-----78-----	A7204	234 789012 678901
LC2311	01				Hành chính nhà nước	1262	Nguyễn Thị Ngọc	5	-----789-----	A7202	234 789012 678901
DL2211	02				Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 1	1232	Vi Thị Hạnh Thi	6	-----78-----	A7204	234 789012 678901
DL1218	06			1	Cơ sở khoa học môi trường	1288	Lê Thị Bích Ngọc	6	-----90-----	A7204	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
DL2223	02				Thực tập sư phạm 1			*			234 789012 678901

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Tiếng Anh (ĐC)- 2010 - 2013 (1008C04A) - Sĩ Số: 31 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LS1232	01				Lịch sử ngoại giao Việt Nam	1195	Đoàn Thị Loan	2	-----89-----	A6102	234 789012 678901
TA2309	01				Ngữ pháp	1054	Nguyễn Thị Hoa	3	-----789-----	A6102	234 789012 678901
TA2351	01				Lý luận dạy học	1003	Nguyễn Văn Hưng	4	-----78-----	A6102	234 789012 678901
NV1252	01				Dẫn luận ngôn ngữ	1191	Đặng Thị Bích Hồng	5	-----78-----	A6102	234 789012 678901
TA2215	01				Ngữ âm- âm vị học	1052	Vũ Thị Quỳnh Dung	6	-----78-----	A6102	234 789012 678901
TQ1202	01				Tiếng Trung (2)	1045	Bùi Văn Hùng	6	-----90-----	A6102	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TA2254	01				Thực tập sư phạm 1			*			234 789012 678901

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)- Mỹ thuật-2010 - 2013 (1008C05A) - Sĩ Số: 12 - Nhạc - Hoạ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
MT2316	01				Trang trí ứng dụng (2)	1226	Trình Thị Việt Ngân	2	-----89-----	A9206	234 789012 678901
MT2219	01				Kí hoạ (2)	1189	Cao Thị Vân	3	-----78-----	A9206	234 789012 678901
VN1209	04			1	Mỹ học đại cương	1200	Đình Văn Thuận	3	-----90-----	A9206	234 789012 678901
MT2323	01				Điêu khắc	1079	Nguyễn Quang Hưng	4	-----78-----	A9206	234 789012 678901
NN1203	04			1	Tiếng Anh (3)	1054	Nguyễn Thị Hoa	5	-----78-----	A9204	234 789012 678901
MT2303	01				Lịch sử mỹ thuật	1080	Hoàng Bá Hồng	6	-----78-----	A9206	234 789012 678901
MT2221	01				Bố cục (2)	1188	Nguyễn Hương Giang	6	-----90-----	A9206	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
MT2228	01				Thực tập 1			*			234 789012 678901

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)- Âm nhạc-2010 - 2013 (1008C06A) - Sĩ Số: 11 - Nhạc - Hoạ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
AN2222	01				Lịch sử âm nhạc phương tây	1076	Hà Thị Thu Hiền	2	-----89-----	A9204	234 789012 678901
AN2210	01				Thanh nhạc 2	1076	Hà Thị Thu Hiền	2	-----01-----	A9204	234 789012 678901
VN1251	01				Cơ sở văn hoá Việt Nam 1	1192	Bùi Huy Toàn	3	-----89-----	A9204	234 789012 678901
AN2408	01				Kí - xướng âm 2	1076	Hà Thị Thu Hiền	3	-----01-----	A9204	234 789012 678901
AN2315	01				Hình thức và thể loại âm nhạc 1	1050	Cao Hồng Phương	4	-----90-----	A9204	234 789012 678901
NN1203	04				Tiếng Anh (3)	1054	Nguyễn Thị Hoa	5	-----78-----	A9204	234 789012 678901
AN2212	01				Phương pháp học đàn phím điện tử 2	1225	Nguyễn Huy Oanh	5	-----901-----	A9204	234 789012 678901
AN2319	01				Múa	1167	Tạ Thị Thu Hiền	6	-----789-----	A9204	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
AN2228	01				Thực tập 1			*			234 789012 678901

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tín chi)- SP GD Mầm non (ĐC)-2010 - 2013 (1008C08A) - Sĩ Số: 39 - GDTH & Mầm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
MN2416	02				Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình	1269	Bùi Thị Phương Liên	2	-----8901-----	A6104	234 789012 678901
TG2214	01				Tâm lý học trẻ em 2	1013	Phan Thị Tuyên	3	-----78-----	A6104	234 789012 678901
TG2216	01				Giáo dục học trẻ em 2	1153	Bùi Thị Hải Linh	3	-----90-----	A6104	234 789012 678901
NN1203	05				Tiếng Anh (3)	1276	Đặng Lưu Ngọc Hoa	4	-----78-----	A6104	234 789012 678901
MN1330	01				Âm nhạc	1076	Hà Thị Thu Hiền	5	-----789-----	A6104	234 789012 678901
MN2317	01				Phương pháp giáo dục thể chất	1268	Phùng Thị Hương	6	-----789-----	A6104	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
MN2235	01				Thực tập sư phạm 1			*			234 789012 678901

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)- SP GD Tiểu học (ĐC)-2010 - 2013 (1008C09A) - Sĩ Số: 104 - GDTH & Mầm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TH2243	01				PPDH Tự nhiên và xã hội ở tiểu học	1173	Đỗ Thái Giang	2	-----89-----	A6205	234 789012 678901
TH2225	03				PPDH Toán học ở tiểu học 1	1273	Hà Thị Huyền Diệp	2	-----01-----	A6205	234 789012 678901
NN1203	06				Tiếng Anh (3)	1070	Phạm Thị Kim Cúc	3	-----89-----	A6205	234 789012 678901
TH2244	01				Đạo đức và PPDH đạo đức ở tiểu học	1262	Nguyễn Thị Ngọc	4	-----78-----	A6205	234 789012 678901
TH2245	01				Thủ công – Kỹ thuật	1230	Vì Thị Thu Huyền	5	-----89-----	A6205	234 789012 678901
TH2247	01				Âm nhạc	1076	Hà Thị Thu Hiền	5	-----01-----	A6205	234 789012 678901
TH2249	01				Mỹ thuật	1049	Cù Xuân Tuyên	6	-----789-----	A6205	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TH2259	01				Thực tập sư phạm 1			*			234 789012 678901

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Thể dục-CTĐ A-2010 - 2013 (1008C13A) - Sĩ Số: 44 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TC2206	01				Sinh lý học thể dục thể thao	1178	Hoàng Quang Nam	2	-----89-----	A7104	234 789012 678901
CD2206	01				Công tác phụ trách Đội TNTP của Đoàn TN CS Hồ Chí Minh	1235	Phạm Anh Thế	3	-----78-----	A7104	234 789012 678901
TC2318	01				Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	4	-----789-----	A7104	234 789012 678901
TC2217	01				Cờ vua + PP nghiên cứu khoa học TDTT	1199	Nguyễn Hoàng Điệp	5	-----78-----	A7104	234 789012 678901
NN1203	07				Tiếng Anh (3)	1071	Phạm Thị Thu Hương	5	-----90-----	A7104	234 789012 678901
SH1205	01				Dân số-Môi trường-AIDS-Ma túy	1197	Nguyễn Hữu Thảo	6	-----78-----	A7104	234 789012 678901
TC2214	01				Học phần các môn bóng	1240	Đặng Thành Trung	6	-----90-----	A7104	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TC2222	01				Thực tập sư phạm 1			*			234 789012 678901

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Thể dục-CTĐ B (ĐC)-2010 - 2013 (1008C13B) - Sĩ Số: 7 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TC2206	01				Sinh lý học thể dục thể thao	1178	Hoàng Quang Nam	2	-----89-----	A7104	234 789012 678901
CD2206	01				Công tác phụ trách Đội TNTP của Đoàn TN CS Hồ Chí Minh	1235	Phạm Anh Thế	3	-----78-----	A7104	234 789012 678901
TC2318	01				Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	4	-----789-----	A7104	234 789012 678901
TC2217	01				Cờ vua + PP nghiên cứu khoa học TDDT	1199	Nguyễn Hoàng Điệp	5	-----78-----	A7104	234 789012 678901
NN1203	07				Tiếng Anh (3)	1071	Phạm Thị Thu Hương	5	-----90-----	A7104	234 789012 678901
SH1205	01				Dân số-Môi trường-AIDS-Ma túy	1197	Nguyễn Hữu Thảo	6	-----78-----	A7104	234 789012 678901
TC2214	01				Học phần các môn bóng	1240	Đặng Thành Trung	6	-----90-----	A7104	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TC2222	01				Thực tập sư phạm 1			*			234 789012 678901

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Hoá - Sinh A -2010 - 2013 (1008C20A) - Sĩ Số: 36 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
HH2215	02				Lý luận dạy học môn hoá học	1400	Bình Yên	2	-----89-----	A7105	234 789012 678901
SH2351	02				Động vật học có xương sống	1029	Hà Quế Cường	3	-----789-----	A7105	234 789012 678901
SH2249	02				Sinh lí học thực vật	1016	Lương T Thanh Xuân	3	-----01-----	A7105	234 789012 678901
SH2254	02				Đại cương phương pháp dạy học sinh học	1016	Lương T Thanh Xuân	4	-----78-----	A7105	234 789012 678901
HH2257	02				Hoá học hữu cơ 1	1151	Nguyễn Mạnh Hùng	4	-----90-----	A7105	234 789012 678901
HH2325	02				Hoá học phân tích 1	1089	Phạm Thị Kim Giang	5	-----789-----	A7105	234 789012 678901
NN1203	09				Tiếng Anh (3)	1276	Đặng Lưu Ngọc Hoa	6	-----78-----	A7105	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
HH2264	02				Thực tập sư phạm 1			*			234 789012 678901

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Hoá - Sinh B (ĐC) -2010 - 2013 (1008C20B) - Sĩ Số: 62 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
SH2351	01				Động vật học có xương sống	1197	Nguyễn Hữu Thảo	2	-----890-----	A7106	234 789012 678901
HH2325	01				Hoá học phân tích 1	1089	Phạm Thị Kim Giang	3	-----789-----	A7106	234 789012 678901
HH2215	01				Lý luận dạy học môn hoá học	1400	Bình Yên	3	-----01-----	A7106	234 789012 678901
HH2257	01				Hoá học hữu cơ 1	1151	Nguyễn Mạnh Hùng	4	-----78-----	A7106	234 789012 678901
SH2249	01				Sinh lí học thực vật	1016	Lương T Thanh Xuân	4	-----90-----	A7106	234 789012 678901
NN1203	08				Tiếng Anh (3)	1276	Đặng Lưu Ngọc Hoa	5	-----78-----	A7106	234 789012 678901
SH2254	01				Đại cương phương pháp dạy học sinh học	1170	Trần Thị Mai Lan	6	-----78-----	A7106	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
HH2264	01				Thực tập sư phạm 1			*			234 789012 678901

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Hoá - Sinh C (ĐC) -2010 - 2013 (1008C20C) - Sĩ Số: 25 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
HH2215	02				Lý luận dạy học môn hoá học	1400	Bình Yên	2	-----89-----	A7105	234 789012 678901
SH2351	02				Động vật học có xương sống	1029	Hà Quế Cường	3	-----789-----	A7105	234 789012 678901
SH2249	02				Sinh lí học thực vật	1016	Lương T Thanh Xuân	3	-----01-----	A7105	234 789012 678901
SH2254	02				Đại cương phương pháp dạy học sinh học	1016	Lương T Thanh Xuân	4	-----78-----	A7105	234 789012 678901
HH2257	02				Hoá học hữu cơ 1	1151	Nguyễn Mạnh Hùng	4	-----90-----	A7105	234 789012 678901
HH2325	02				Hoá học phân tích 1	1089	Phạm Thị Kim Giang	5	-----789-----	A7105	234 789012 678901
NN1203	09				Tiếng Anh (3)	1276	Đặng Lưu Ngọc Hoa	6	-----78-----	A7105	234 789012 678901
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
HH2264	02				Thực tập sư phạm 1			*			234 789012 678901

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP Toán A -2010 - 2014 (1008D01A) - Sĩ Số: 49 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TN2309	01				Phương pháp dạy học đại cương môn toán	CN01	Toán - Công Nghệ 01	2	-----890-----	N322	234 7 23456789012
TC1002	01				Giáo dục thể chất	1278	Nguyễn Thanh Thủy	3	12-----		234 7 23456789012
TN2228	01				Tô pô đại cương	1165	Đặng T. Phương Thanh	3	-----78-----	N322	234 7 23456789012
NN1203	10				Tiếng Anh (3)	1157	Ng Thị Ngọc Thủy	3	-----90-----	N322	234 7 23456789012
LC1202	01				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1124	Ng Thị Thanh Hương	4	-----78-----	N322	234 7 23456789012
TN2314	01				Số học	1196	Nguyễn Văn Nghĩa	4	-----901-----	N322	234 7 23456789012
TN2417	01				Giải tích toán học 3	1247	Lưu Thị Thu Huyền	5	-----7890-----	N322	234 7 23456789012
TI1242	01				Ngôn ngữ lập trình Pascal 1	1072	Lê Quang Khải	6	-----78-----	N322	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	16				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP Toán B (ĐC)-2010 - 2014 (1008D01B) - Sĩ Số: 32 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TN2309	01				Phương pháp dạy học đại cương môn toán	CN01	Toán - Công Nghệ 01	2	-----890-----	N322	234 7 23456789012
TC1002	01				Giáo dục thể chất	1278	Nguyễn Thanh Thủy	3	12-----		234 7 23456789012
TN2228	01				Tô pô đại cương	1165	Đặng T. Phương Thanh	3	-----78-----	N322	234 7 23456789012
NN1203	10				Tiếng Anh (3)	1157	Ng Thị Ngọc Thủy	3	-----90-----	N322	234 7 23456789012
LC1202	01				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1124	Ng Thị Thanh Hương	4	-----78-----	N322	234 7 23456789012
TN2314	01				Số học	1196	Nguyễn Văn Nghĩa	4	-----901-----	N322	234 7 23456789012
TN2417	01				Giải tích toán học 3	1247	Lưu Thị Thu Huyền	5	-----7890-----	N322	234 7 23456789012
TI1242	01				Ngôn ngữ lập trình Pascal 1	1072	Lê Quang Khải	6	-----78-----	N322	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	16				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP Ngữ Văn A -2010 - 2014 (1008D02A) - Sĩ Số: 54 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NN1203	11				Tiếng Anh (3)	1157	Ng Thị Ngọc Thuỷ	2	-----89-----	N141	234 7 23456789012
TC1004	01				Giáo dục thể chất	1406	Nguyễn Toàn Chung Chung	3	-23-----	N143	234 7 23456789012
NV2229	01				Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	1051	Quách Ph Ph Nhân	3	-----78-----	N141	234 7 23456789012
NV2220	01				Tiến trình văn học (LLVH 3)	1175	Nguyễn Khắc Phúc	4	-----78-----	N141	234 7 23456789012
VN1209	02				Mỹ học đại cương	1200	Đình Văn Thuần	4	-----90-----	N141	234 7 23456789012
LC2219	01				Lôgic học đại cương	1053	Lê Đình Thảo	5	-----89-----	N141	234 7 23456789012
LC1202	02				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1124	Ng Thị Thanh Hương	5	-----01-----	HDH403	234 7 23456789012
NV2424	01				Văn học Việt Nam trung đại II (TK XVIII - TKXIX)	1137	Hán Thị Thu Hiền	6	-----7890-----	N141	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	17				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP Ngữ Văn B (ĐC) -2010 - 2014 (1008D02B) - Sĩ Số: 6 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NN1203	11				Tiếng Anh (3)	1157	Ng Thị Ngọc Thuỷ	2	-----89-----	N141	234 7 23456789012
TC1004	01				Giáo dục thể chất	1406	Nguyễn Toàn Chung Chung	3	-23-----	N143	234 7 23456789012
NV2229	01				Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt	1051	Quách Ph Ph Nhân	3	-----78-----	N141	234 7 23456789012
NV2220	01				Tiến trình văn học (LLVH 3)	1175	Nguyễn Khắc Phúc	4	-----78-----	N141	234 7 23456789012
VN1209	02				Mỹ học đại cương	1200	Đình Văn Thuần	4	-----90-----	N141	234 7 23456789012
LC2219	01				Lôgic học đại cương	1053	Lê Đình Thảo	5	-----89-----	N141	234 7 23456789012
LC1202	02				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1124	Ng Thị Thanh Hương	5	-----01-----	HDH403	234 7 23456789012
NV2424	01				Văn học Việt Nam trung đại II (TK XVIII - TKXIX)	1137	Hán Thị Thu Hiền	6	-----7890-----	N141	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	17				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP GD Tiểu học A -2010 - 2014 (1008D03A) - Sĩ Số: 49 - GDTH & Mâm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LC1202	03				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1037	Nguyễn Ngọc Cường	2	-----89-----	A10201	234 7 23456789012
TH2206	01				Ngôn ngữ học văn bản	1087	Nguyễn T.Thu Thủy	2	-----01-----	A10201	234 7 23456789012
TC1004	02				Giáo dục thể chất	1258	Cao Huy Tiến	3	-23-----		234 7 23456789012
TH1222	01				Xác suất thống kê	1022	Lê Văn Lĩnh	3	-----78-----	A6105	234 7 23456789012
TG2209	01				Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học	1186	Ng Thị Mai Hương	3	-----90-----	A6105	234 7 23456789012
TH2242	01				Cơ sở tự nhiên và Xã hội 2	1152	Đỗ Thị Bích Liên	4	-----78-----	A6105	234 7 23456789012
TG1212	01				Giao tiếp sư phạm	1013	Phan Thị Tuyên	5	-----90-----	A6105	234 7 23456789012
NN1203	12				Tiếng Anh (3)	1244	Phạm Lệ Thủy	6	-----78-----	A6105	234 7 23456789012
TH2205	01				Văn học 1	1086	Nguyễn Xuân Huy	6	-----90-----	A6105	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	18				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)-SP GD Tiểu học B (ĐC)-2010 - 2014 (1008D03B) - Sĩ Số: 55 - GDTH & Mâm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TC1004	03				Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	2	-23-----		234 7 23456789012
LC1202	03				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1037	Nguyễn Ngọc Cường	2	-----89-----	A10201	234 7 23456789012
TH2206	01			1	Ngôn ngữ học văn bản	1087	Nguyễn T.Thu Thủy	2	-----01-----	A10201	234 7 23456789012
TG2209	02				Đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học	1186	Ng Thị Mai Hương	3	-----78-----	A6106	234 7 23456789012
TH1222	02				Xác suất thống kê	1022	Lê Văn Linh	3	-----90-----	A6106	234 7 23456789012
TH2242	02				Cơ sở tự nhiên và Xã hội 2	1152	Đỗ Thị Bích Liên	4	-----90-----	A9206	234 7 23456789012
TG1212	02				Giao tiếp sư phạm	1013	Phan Thị Tuyên	5	-----78-----	A6106	234 7 23456789012
NN1203	13				Tiếng Anh (3)	1054	Nguyễn Thị Hoa	5	-----90-----	A6106	234 7 23456789012
TH2205	02				Văn học 1	1086	Nguyễn Xuân Huy	6	-----78-----	A6106	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	19				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012
TH2206	02				Ngôn ngữ học văn bản	1087	Nguyễn T.Thu Thủy	*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

Phụ Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - Tiếng Anh-2010 - 2014 (1008D04A) - Sĩ Số: 54 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NV1303	01				Dẫn luận ngôn ngữ	1191	Đặng Thị Bích Hồng	2	-----890-----	N121	234 7 23456789012
TA2215	02				Ngữ âm- âm vị học	1052	Vũ Thị Quỳnh Dung	3	-----89-----	N121	234 7 23456789012
TC1004	04				Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	4	12-----	N141	234 7 23456789012
TQ1202	02				Tiếng Trung (2)	1279	Giang	4	-----78-----	N121	234 7 23456789012
LS1334	03			1	Lịch sử quan hệ quốc tế	1405	Nguyễn Thị Ngọc Dung	4	-----901-----	N121	7 23456789012
TA2210	01				Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành	1070	Phạm Thị Kim Cúc	5	-----78-----	N121	234 7 23456789012
LC1202	10				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1285	Triệu Lan Hương	5	-----90-----	N122	234 7 23456789012
TA2309	02				Ngữ pháp	1054	Nguyễn Thị Hoa	6	-----890-----	N121	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
LS1334	01				Lịch sử quan hệ quốc tế	1405	Nguyễn Thị Ngọc Dung	*			234 7890123456789012
QP1008	20				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - SP GD Mầm non-2010 - 2014 (1008D05A) - Sĩ Số: 51 - GDTH & Mầm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LC1202	03				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1037	Nguyễn Ngọc Cường	2	-----89-----	A10201	234 7 23456789012
NN1203	14				Tiếng Anh (3)	1244	Phạm Lệ Thủy	3	-----78-----	A6107	234 7 23456789012
TG2216	02				Giáo dục học trẻ em 2	1023	Cù Lan Thọ	3	-----90-----	A6107	234 7 23456789012
MN2314	01				Phương pháp cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh	1035	Đỗ Thị Kim	4	-----789-----	A6107	234 7 23456789012
TC1004	05				Giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	5	12-----		234 7 23456789012
MN2340	01				Dinh dưỡng trẻ em	1179	Lưu Ngọc Sơn	5	-----789-----	A6107	234 7 23456789012
MN2303	01			1	Tiếng Việt thực hành	1087	Nguyễn T.Thu Thủy	6	-----789-----	A7202	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
MN2303	02				Tiếng Việt thực hành	1087	Nguyễn T.Thu Thủy	*			234 7 23456789012
QP1008	32				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - SP Sử-GDCD A -2010 - 2014 (1008D09A) - Sĩ Số: 54 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NN1203	15				Tiếng Anh (3)	1264	Đào Thị Thùy Hương	2	-----89-----	N112	234 7 23456789012
LS1201	01				Dân tộc học đại cương	1139	Trần Văn Hùng	3	-----78-----	N112	234 7 23456789012
TC1004	06				Giáo dục thể chất	1258	Cao Huy Tiến	4	-23-----	N211	234 7 23456789012
LS2419	01				Lịch sử thế giới hiện đại	1195	Đoàn Thị Loan	4	-----7890-----	N112	234 7 23456789012
LS1202	01				Cơ sở khảo cổ học	1152	Đỗ Thị Bích Liên	5	-----89-----	N112	234 7 23456789012
LC1202	02			1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1124	Ng Thị Thanh Hương	5	-----01-----	HDH403	234 7 23456789012
LS2415	01				Lịch sử Việt Nam cận đại	1152	Đỗ Thị Bích Liên	6	-----7890-----	N112	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	21				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - SP Sử-GDCD B (ĐC)-2010 - 2014 (1008D09B) - Sĩ Số: 22 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NN1203	15				Tiếng Anh (3)	1264	Đào Thị Thùy Hương	2	-----89-----	N112	234 7 23456789012
LS1201	01				Dân tộc học đại cương	1139	Trần Văn Hùng	3	-----78-----	N112	234 7 23456789012
TC1004	06				Giáo dục thể chất	1258	Cao Huy Tiến	4	-23-----	N211	234 7 23456789012
LS2419	01				Lịch sử thế giới hiện đại	1195	Đoàn Thị Loan	4	-----7890-----	N112	234 7 23456789012
LS1202	01				Cơ sở khảo cổ học	1152	Đỗ Thị Bích Liên	5	-----89-----	N112	234 7 23456789012
LC1202	02			1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1124	Ng Thị Thanh Hương	5	-----01-----	HDH403	234 7 23456789012
LS2415	01				Lịch sử Việt Nam cận đại	1152	Đỗ Thị Bích Liên	6	-----7890-----	N112	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	21				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - Kế toán A -2010 - 2014 (1008D10A) - Sĩ Số: 51 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KT1205	01				Văn hoá kinh doanh	1217	Vũ Huyền Trang	2	-----89-----	HDH301	234 7 23456789012
NN1203	16				Tiếng Anh (3)	1264	Đào Thị Thùy Hương	3	-----78-----	N232	234 7 23456789012
KE2303	01				Kế toán tài chính 2	1104	Phùng T Khang Ninh	3	-----901-----	N232	234 7 23456789012
KT1203	01				Luật kinh tế	1248	Phạm Lan Hương	4	-----89-----	N232	234 7 23456789012
TC1004	07				Giáo dục thể chất	1278	Nguyễn Thanh Thủy	4	-----01-----	N232	234 7 23456789012
NH2323	01				Tài chính doanh nghiệp 2	1280	Đỗ Thị Hồng Nhung	5	-----789-----	N232	234 7 23456789012
LC1202	05				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1053	Lê Đình Thảo	5	-----01-----	HDH301	234 7 23456789012
KT1302	02				Toán kinh tế	1255	Phạm Thái Thủy	6	-----789-----	N232	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	33				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - Kế toán B -2010 - 2014 (1008D10B) - Sĩ Số: 54 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KT1205	01				Văn hoá kinh doanh	1217	Vũ Huyền Trang	2	-----89-----	HDH301	234 7 23456789012
NN1203	28				Tiếng Anh (3)	1073	Ng Thị Thu Hằng	3	-----78-----	N233	234 7 23456789012
KT1302	01				Toán kinh tế	1255	Phạm Thái Thủy	3	-----901-----	N233	234 7 23456789012
TC1004	20			1	Giáo dục thể chất	1278	Nguyễn Thanh Thủy	4	12-----		234 7 23456789012
NH2323	03				Tài chính doanh nghiệp 2	1203	Trần Quốc Hoàn	4	-----789-----	N233	234 7 23456789012
KT1203	06			1	Luật kinh tế	1248	Phạm Lan Hương	5	-----89-----	N233	234 7 23456789012
LC1202	05				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1053	Lê Đình Thảo	5	-----01-----	HDH301	234 7 23456789012
KE2303	02				Kế toán tài chính 2	1104	Phùng T Khang Ninh	6	-----789-----	N233	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	33				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - Kế toán C (ĐC) -2010 - 2014 (1008D10C) - Sĩ Số: 5 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KT1205	01			1	Văn hoá kinh doanh	1217	Vũ Huyền Trang	2	-----89-----	HDH301	234 7 23456789012
NN1203	16			1	Tiếng Anh (3)	1264	Đào Thị Thùy Hương	3	-----78-----	N232	234 7 23456789012
KE2303	01			1	Kế toán tài chính 2	1104	Phùng T Khang Ninh	3	-----901-----	N232	234 7 23456789012
KT1203	01			1	Luật kinh tế	1248	Phạm Lan Hương	4	-----89-----	N232	234 7 23456789012
NH2323	01			1	Tài chính doanh nghiệp 2	1280	Đỗ Thị Hồng Nhung	5	-----789-----	N232	234 7 23456789012
LC1202	05				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1053	Lê Đình Thảo	5	-----01-----	HDH301	234 7 23456789012
KT1302	02				Toán kinh tế	1255	Phạm Thái Thủy	6	-----789-----	N232	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
KE2303	03				Kế toán tài chính 2			*			234 7 23456789012
KT1203	02				Luật kinh tế			*			234 7 23456789012
KT1205	02				Văn hoá kinh doanh			*			234 7 23456789012
NH2323	02				Tài chính doanh nghiệp 2			*			234 7 23456789012
NN1203	17				Tiếng Anh (3)			*			234 7 23456789012
QP1008	09				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012
TC1004	08				Giáo dục thể chất			*			234 7 23456789012
QP1008	33			1	Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - Quản trị KD-2010 - 2014 (1008D11A) - Sĩ Số: 55 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KT1205	01			1	Văn hoá kinh doanh	1217	Vũ Huyền Trang	2	-----89-----	HDH301	234 7 23456789012
TC1004	09				Giáo dục thể chất	1278	Nguyễn Thanh Thủy	3	--34-----		234 7 23456789012
QT2303	01				Quản trị nhân lực	1140	Phạm Thị Thu Hương	3	-----789-----	N243	234 7 23456789012
NN1203	18				Tiếng Anh (3)	1097	Ng Thị Bạch Dương	4	-----78-----	N243	234 7 23456789012
QT2304	01				Quản trị sản xuất	1120	Phạm Thị Thu Hương	4	-----901-----	N243	234 7 23456789012
KT1302	03				Toán kinh tế	1255	Phạm Thái Thủy	5	-----789-----	N243	234 7 23456789012
LC1202	05				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1053	Lê Đình Thảo	5	-----01-----	HDH301	234 7 23456789012
KT1203	03				Luật kinh tế	1248	Phạm Lan Hương	6	-----89-----	N243	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	23				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012
KT1207	01			1	Kinh tế phát triển	1094	Ngô Thị Thanh Tú	*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - Trồng trọt-2010 - 2014 (1008D12A) - Sĩ Số: 26 - Nông - Lâm - Ngư**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TT2223	01				Khí tượng nông nghiệp	1107	Nguyễn Tài Luyện	2	-----89-----	N341	234 7 23456789012
TT2302	01				Giống cây trồng	1155	Hoàng Mai Thảo	3	-----789-----	N341	234 7 23456789012
TT2405	01				Sinh lý thực vật	1122	Hà Thị Thanh Đoàn	4	-----7890-----	N341	234 7 23456789012
TC1004	10				Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	5	12-----	N341	234 7 23456789012
LC1202	11				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1285	Triệu Lan Hương	5	-----78-----	HDH301	234 7 23456789012
NN1203	26			1	Tiếng Anh (3)	1275	Nguyễn Thị Phương Thảo	6	-----78-----	N341	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	24				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012
TT2231	01				Rèn nghề	NL01	Nông - Lâm - Ngư NL01	*			234 7 23456789012
TT2304	01				Nông hoá và nông nghiệp hữu cơ	1222	Trần Thành Vinh	*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - C.Nuôi - Thú y-2010 - 2014 (1008D13A) - Sĩ Số: 16 - Nông - Lâm - Ngư**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
CN2210	01				Công nghệ sinh học	1198	Trần Thị Ngọc Diệp	2	-----89-----	N343	234 7 23456789012
CN2407	01				Sinh lý động vật	1184	Trịnh Thị Quý	3	-----7890-----	N343	234 7 23456789012
TT1236	01				Trồng trọt đại cương	1155	Hoàng Mai Thảo	4	-----78-----	N343	7890123456789012
TC1004	10			1	Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	5	12-----	N341	234 7 23456789012
LC1202	11				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1285	Triệu Lan Hương	5	-----78-----	HDH301	234 7 23456789012
NN1203	26			1	Tiếng Anh (3)	1275	Nguyễn Thị Phương Thảo	6	-----78-----	N341	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
CN2045	01				Rèn nghề	NL01	Nông - Lâm - Ngư NL01	*			234 7 23456789012
CN2209	01				Miễn dịch học	1198	Trần Thị Ngọc Diệp	*			234 7 23456789012
CN2308	01				Giống vật nuôi	1243	Hoàng T. Hồng Nhung	*			234 7 23456789012
QP1008	25				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012
TC1004	11				Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - Tin học A -2010 - 2014 (1008D15A) - Sĩ Số: 73 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TI1304	01				Lý thuyết đồ thị	1176	Nguyễn Kim Anh	2	-----890-----	N333	234 7 23456789012
TI2314	01				Hệ điều hành	1277	Nguyễn Ngọc Thạch	3	-----789-----	N333	234 7 23456789012
TC1004	12				Giáo dục thể chất	1278	Nguyễn Thanh Thủy	4	--34-----		234 7 23456789012
LC1202	01			1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1124	Ng Thị Thanh Hương	4	-----78-----	N322	234 7 23456789012
TI2316	01				Nhập môn cơ sở dữ liệu	1177	Ngthị Thu Hương	5	-----789-----	N333	234 7 23456789012
TI1208	01				Thực hành kỹ năng máy tính	1144	Vũ Thị Thu Minh	6	-----78-----	N333	234 7 23456789012
NN1203	21				Tiếng Anh (3)	1275	Nguyễn Thị Phương Thảo	6	-----90-----	N333	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
LC1202	12				Tư tưởng Hồ Chí Minh			*			234 7 23456789012
QP1008	26				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012
TN1262	01				Xác suất thống kê 1	1149	Bùi Thị Thu Dung	*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - Tin học B - 2010 - 2014 (1008D15B) - Sĩ Số: 0 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TI1304	01				Lý thuyết đồ thị	1176	Nguyễn Kim Anh	2	-----890-----	N333	234 7 23456789012
TI2314	01				Hệ điều hành	1277	Nguyễn Ngọc Thạch	3	-----789-----	N333	234 7 23456789012
TC1004	12				Giáo dục thể chất	1278	Nguyễn Thanh Thủy	4	--34-----		234 7 23456789012
TI2316	01				Nhập môn cơ sở dữ liệu	1177	Ngthị Thu Hương	5	-----789-----	N333	234 7 23456789012
TI1208	01				Thực hành kỹ năng máy tính	1144	Vũ Thị Thu Minh	6	-----78-----	N333	234 7 23456789012
NN1203	21				Tiếng Anh (3)	1275	Nguyễn Thị Phương Thảo	6	-----90-----	N333	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
LC1202	12				Tư tưởng Hồ Chí Minh			*			234 7 23456789012
QP1008	26				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012
TI1207	01				Kiến trúc máy tính	1403	Nguyễn Hùng Cường	*			234 7 23456789012
TN1262	01				Xác suất thống kê 1	1149	Bùi Thị Thu Dung	*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - T.Chính N.Hàng A-2010 - 2014 (1008D16A) - Sĩ Số: 61 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KT1302	05				Toán kinh tế	1255	Phạm Thái Thủy	2	-----890-----	N241	234 7 23456789012
LC1202	07				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1285	Triệu Lan Hương	3	-----78-----	HDH403	234 7 23456789012
NH2305	01				Thị trường tiền tệ	1280	Đỗ Thị Hồng Nhung	3	-----901-----	N241	234 7 23456789012
KE2315	02				Kế toán tài chính	1108	Phạm Thị Nhị An	4	-----789-----	N241	234 7 23456789012
KT1203	04				Luật kinh tế	1248	Phạm Lan Hương	4	-----01-----	N241	234 7 23456789012
NN1203	22				Tiếng Anh (3)	1157	Ng Thị Ngọc Thủy	5	-----78-----	N241	234 7 23456789012
TC1004	13				Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	6	--34-----	N211	234 7 23456789012
KT1204	01				Kinh tế công cộng	1109	Lê Thị Thanh Thủy	6	-----78-----	N122	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	34				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - T.Chính N.Hàng B-2010 - 2014 (1008D16B) - Sĩ Số: 63 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NH2305	03			1	Thị trường tiền tệ	1280	Đỗ Thị Hồng Nhung	2	-----890-----	N242	234 7 23456789012
LC1202	07				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1285	Triệu Lan Hương	3	-----78-----	HDH403	234 7 23456789012
NN1203	29			1	Tiếng Anh (3)	1265	Nguyễn Thành Long	3	-----90-----	N242	234 7 23456789012
KT1302	04				Toán kinh tế	1255	Phạm Thái Thuý	4	-----789-----	N242	234 7 23456789012
TC1004	19				Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	5	--34-----		234 7 23456789012
KE2315	01				Kế toán tài chính	1215	Diệp Tố Uyên	5	-----789-----	N242	234 7 23456789012
KT1203	07			1	Luật kinh tế	1248	Phạm Lan Hương	5	-----01-----	N242	234 7 23456789012
KT1204	01				Kinh tế công cộng	1109	Lê Thị Thanh Thuý	6	-----78-----	N122	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	01				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - T.Chính N.Hàng C (ĐC) -2010 - 2014 (1008D16C) - Sĩ Số: 4 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KT1302	05				Toán kinh tế	1255	Phạm Thái Thủy	2	-----890-----	N241	234 7 23456789012
NH2305	01			1	Thị trường tiền tệ	1280	Đỗ Thị Hồng Nhung	3	-----901-----	N241	234 7 23456789012
KE2315	02				Kế toán tài chính	1108	Phạm Thị Nhị An	4	-----789-----	N241	234 7 23456789012
KT1203	04			1	Luật kinh tế	1248	Phạm Lan Hương	4	-----01-----	N241	234 7 23456789012
NN1203	22			1	Tiếng Anh (3)	1157	Ng Thị Ngọc Thủy	5	-----78-----	N241	234 7 23456789012
TC1004	13			1	Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	6	--34-----	N211	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
KT1203	05				Luật kinh tế			*			234 7 23456789012
KT1204	02				Kinh tế công cộng			*			234 7 23456789012
LC1202	08				Tư tưởng Hồ Chí Minh			*			234 7 23456789012
NH2305	02				Thị trường tiền tệ			*			234 7 23456789012
NN1203	23				Tiếng Anh (3)			*			234 7 23456789012
QP1008	15				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012
TC1004	14				Giáo dục thể chất			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - Việt Nam Học-2010 - 2014 (1008D17A) - Sĩ Số: 58 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
VN1204	01				Văn hoá Việt Nam trong Đông Nam á	1040	Trần Văn Thục	2	-----89-----	N113	234 7 23456789012
NN1203	24				Tiếng Anh (3)	1264	Đào Thị Thùy Hương	2	-----01-----	N113	234 7 23456789012
VN2234	01				Địa lí Việt Nam 1	1168	Trần T Bích Hường	3	-----89-----	N113	234 7 23456789012
TC1004	15				Giáo dục thể chất	1258	Cao Huy Tiến	4	---45-----		234 7 23456789012
LC1214	01				Lịch sử tư tưởng Việt Nam	1162	Nguyễn Thị Luận	4	-----01-----	N113	234 7 23456789012
VN2324	01				Lịch sử văn học Việt Nam 3	1192	Bùi Huy Toàn	5	-----789-----	N113	234 7 23456789012
LC1202	02			1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1124	Ng Thị Thanh Hương	5	-----01-----	HDH403	234 7 23456789012
VN2228	01				Tiếng Việt thực hành và hoạt động giao tiếp	1411	Nguyễn Văn Ba	6	-----78-----	N113	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	28				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - Tiếng Trung-2010 - 2014 (1008D18A) - Sĩ Số: 45 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TQ2213	01				Kỹ năng nghe hiểu 2	1253	Chu Thị Tú Anh	2	-----89-----	N114	234 7 23456789012
TQ2226	01				Lí thuyết dịch	1135	Ng Thị Ngọc Dung	3	-----78-----	N114	234 7 23456789012
TQ2220	01				Kỹ năng viết 2	1253	Chu Thị Tú Anh	3	-----90-----	N114	234 7 23456789012
TC1004	16				Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	4	--34-----		234 7 23456789012
TQ2219	01				Kỹ năng đọc 2	1202	Nguyễn Minh Huệ	4	-----78-----	N114	234 7 23456789012
NN1203	25				Tiếng Anh (3)	1025	Nguyễn Đức Thắng	4	-----90-----	N114	234 7 23456789012
TQ2214	01				Kỹ năng nói 2	1279	Giang	5	-----78-----	N114	234 7 23456789012
LC1202	10				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1285	Triệu Lan Hương	5	-----90-----	N122	234 7 23456789012
LC1204	02				Logic học đại cương	1053	Lê Đình Thảo	6	-----78-----	N114	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	29				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - Lâm nghiệp-2010 - 2014 (1008D22A) - Sĩ Số: 19 - Nông - Lâm - Ngư**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LN2310	01				Thống kê toán học trong lâm nghiệp	1154	Phạm Thanh Loan	2	-----89-----	N342	234 7 23456789012
LN2215	01				Lâm nghiệp xã hội đại cương	1107	Nguyễn Tài Luyện	2	-----01-----	N342	234 7 23456789012
LN2311	01				Cây rừng	1132	Nguyễn Văn Huy	3	-----789-----	N342	234 7 23456789012
LN2213	01				Côn trùng rừng	1221	Nguyễn Thị Kim Thơm	4	-----78-----	N342	234 7 23456789012
TC1004	10			1	Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	5	12-----	N341	234 7 23456789012
LC1202	11				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1285	Triệu Lan Hương	5	-----78-----	HDH301	234 7 23456789012
NN1203	26				Tiếng Anh (3)	1275	Nguyễn Thị Phương Thảo	6	-----78-----	N341	234 7 23456789012
LN2310	01	01			Thống kê toán học trong lâm nghiệp	1154	Phạm Thanh Loan	6	-----90-----	N342	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
LN2045	01				Rèn nghề	1099	Ng Thị Xuân Viên	*			234 7 23456789012
LN2214	01				Bệnh cây rừng	1099	Ng Thị Xuân Viên	*			234 7 23456789012
QP1008	30				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012
TC1004	17				Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - SP Sinh học A -2010 - 2014 (1008D23A) - Sĩ Số: 42 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
SH2325	01				Giải phẫu học người	1125	Ng Thị Thanh Hương	2	-----890-----	N111	234 7 23456789012
SH2319	01				Thực vật học 2	1007	Khuất Đăng Vinh	3	-----789-----	N111	234 7 23456789012
SH2420	01				Động vật học 1	1029	Hà Quế Cường	4	-----7890-----	N111	234 7 23456789012
LC1202	11				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1285	Triệu Lan Hương	5	-----78-----	HDH301	234 7 23456789012
SH2323	01				Hóa sinh học	1007	Khuất Đăng Vinh	5	-----901-----	N111	234 7 23456789012
TC1004	18				Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	6	12-----	N141	234 7 23456789012
NN1203	27				Tiếng Anh (3)	1265	Nguyễn Thành Long	6	-----78-----	N111	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	31				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ) - SP Sinh học B (ĐC) -2010 - 2014 (1008D23B) - Sĩ Số: 5 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
SH2325	01				Giải phẫu học người	1125	Ng Thị Thanh Hương	2	-----890-----	N111	234 7 23456789012
SH2319	01				Thực vật học 2	1007	Khuất Đăng Vinh	3	-----789-----	N111	234 7 23456789012
SH2420	01				Động vật học 1	1029	Hà Quế Cường	4	-----7890-----	N111	234 7 23456789012
LC1202	11				Tư tưởng Hồ Chí Minh	1285	Triệu Lan Hương	5	-----78-----	HDH301	234 7 23456789012
SH2323	01				Hóa sinh học	1007	Khuất Đăng Vinh	5	-----901-----	N111	234 7 23456789012
TC1004	18				Giáo dục thể chất	1178	Hoàng Quang Nam	6	12-----	N141	234 7 23456789012
NN1203	27				Tiếng Anh (3)	1265	Nguyễn Thành Long	6	-----78-----	N111	234 7 23456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1008	31				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			234 7 23456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tín chi)-SP Toán - Lý A -2011 - 2014 (1109C01A) - Sĩ Số: 52 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TN1270	01				Hình học giải tích 1	1106	Ng Thị Thanh Tâm	2	-23-----	N312	90123456789012
TN2215	01				Đại số tuyến tính 2	1196	Nguyễn Văn Nghĩa	2	---45-----	N312	90123456789012
NN1301	01				Tiếng Anh (1)	1275	Nguyễn Thị Phương Thảo	3	123-----	N312	90123456789012
TG2224	01				Giáo dục học đại cương 1	1186	Ng Thị Mai Hương	4	12-----	HDH403	90123456789012
TC1002	02				Giáo dục thể chất	1015	Ng Thị Bích Thủy	4	-----89-----		90123456789012
VL2314	01				Cơ học	1256	Nguyễn Long Tuyên	5	123-----	N312	90123456789012
TG2323	01				Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	1116	Bùi Thị Loan	6	123-----	N122	90123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1007	09			1	Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Toán - Lý B (ĐC) -2011 - 2014 (1109C01B) - Sĩ Số: 62 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TN2215	02				Đại số tuyến tính 2	1196	Nguyễn Văn Nghĩa	2	-23-----	N321	90123456789012
TN1270	02				Hình học giải tích 1	1106	Ng Thị Thanh Tâm	2	---45-----	N321	90123456789012
VL2314	02				Cơ học	1256	Nguyễn Long Tuyển	3	123-----	N321	90123456789012
TG2224	01				Giáo dục học đại cương 1	1186	Ng Thị Mai Hương	4	12-----	HDH403	90123456789012
TC1002	03				Giáo dục thể chất	1015	Ng Thị Bích Thủy	4	-----01-----		90123456789012
NN1301	02				Tiếng Anh (1)	1075	Đình Thị Thúy Hiền	5	-234-----	N321	90123456789012
TG2323	01				Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	1116	Bùi Thị Loan	6	123-----	N122	90123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1007	09			1	Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Địa-GDCD A -2011 - 2014 (1109C03A) - Sĩ Số: 56 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LC1206	04				Thống kê xã hội	1237	Lê Văn Bắc	2	-23-----	A7204	90123456789012
TG2323	02				Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	1023	Cù Lan Thọ	3	123-----	A7204	90123456789012
KT1221	01				Kinh tế học đại cương	1237	Lê Văn Bắc	4	12-----	A7204	90123456789012
NN1301	03				Tiếng Anh (1)	1244	Phạm Lệ Thủy	4	--345-----	A7107	90123456789012
TG2224	02				Giáo dục học đại cương 1	1047	Lê Quang Toán	5	12-----	A7204	90123456789012
TC1002	04				Giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	5	-----89-----		90123456789012
DL2202	02				Địa lý tự nhiên đại cương 2	1232	Vì Thị Hạnh Thi	6	12-----	A7107	90123456789012
DL2203	01				Địa lý tự nhiên đại cương 3	1288	Lê Thị Bích Ngọc	6	--34-----	A7107	90123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1007	10			1	Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Địa-GDCD B (ĐC) -2011 - 2014 (1109C03B) - Sĩ Số: 72 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LC1206	04			1	Thống kê xã hội	1237	Lê Văn Bắc	2	-23-----	A7204	90123456789012
TC1002	05				Giáo dục thể chất	1258	Cao Huy Tiến	2	-----89-----		90123456789012
TG2323	02				Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	1023	Cù Lan Thọ	3	123-----	A7204	90123456789012
DL2203	02				Địa lý tự nhiên đại cương 3	1288	Lê Thị Bích Ngọc	3	---45-----	A7204	90123456789012
KT1221	01				Kinh tế học đại cương	1237	Lê Văn Bắc	4	12-----	A7204	90123456789012
TG2224	02				Giáo dục học đại cương 1	1047	Lê Quang Toán	5	12-----	A7204	90123456789012
DL2202	03			1	Địa lý tự nhiên đại cương 2	1288	Lê Thị Bích Ngọc	5	--34-----	A7204	90123456789012
NN1301	04				Tiếng Anh (1)	1244	Phạm Lệ Thủy	6	123-----	A7204	90123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1007	10			1	Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Tiếng Anh A-2011-2014 (1109C04A) - Sĩ Số: 52 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TA2243	01				Nghe 2	1071	Phạm Thị Thu Hương	2	-23-----	A6102	90123456789012
TA2246	01				Viết 2	1141	Nguyễn Thị Tố Loan	2	---45-----	A6102	90123456789012
TI1201	01				Tin học cơ sở	1402	Phạm Đức Thọ	3	12-----	A10201	90123456789012
TG2224	03				Giáo dục học đại cương 1	1153	Bùi Thị Hải Linh	3	--34-----	A10201	90123456789012
TC1002	06				Giáo dục thể chất	1015	Ng Thị Bích Thủy	3	-----89-----		90123456789012
TA2244	01				Nói 2	1026	Nguyễn Nhật Đăng	4	12-----	A6102	90123456789012
TA2245	01				Đọc 2	1054	Nguyễn Thị Hoa	4	--34-----	A6102	90123456789012
NV1351	01				Tiếng Việt	1191	Đặng Thị Bích Hồng	5	123-----	A10201	90123456789012
TG2323	03				Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	1013	Phan Thị Tuyên	6	123-----	A10201	90123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1007	10			1	Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Tiếng Anh B (ĐC) -2011-2014 (1109C04B) - Sĩ Số: 23 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TA2246	02				Viết 2	1141	Nguyễn Thị Tố Loan	2	-23-----	A6103	90123456789012
TI1201	01			1	Tin học cơ sở	1402	Phạm Đức Thọ	3	12-----	A10201	90123456789012
TG2224	03				Giáo dục học đại cương 1	1153	Bùi Thị Hải Linh	3	--34-----	A10201	90123456789012
TC1002	06			1	Giáo dục thể chất	1015	Ng Thị Bích Thủy	3	-----89-----		90123456789012
TA2245	02				Đọc 2	1054	Nguyễn Thị Hoa	4	12-----	A6103	90123456789012
TA2244	02				Nói 2	1069	Đỗ Khắc Thanh	4	--34-----	A6103	90123456789012
NV1351	01				Tiếng Việt	1191	Đặng Thị Bích Hồng	5	123-----	A10201	90123456789012
TA2243	02				Nghe 2	1071	Phạm Thị Thu Hương	5	---45-----	A6103	90123456789012
TG2323	03				Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	1013	Phan Thị Tuyên	6	123-----	A10201	90123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1007	10			1	Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-Hội họa A -2011 - 2014 (1109C05A) - Sĩ Số: 9 - Nhạc - Hoạ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NN1301	05				Tiếng Anh (1)	1244	Phạm Lệ Thủy	2	-234-----	A9205	90123456789012
TI1201	03				Tin học cơ sở	1046	Vũ Ngọc Trì	3	12-----	A9205	90123456789012
MT2218	01				Kí hoạ (1)	1226	Trình Thị Việt Ngân	3	--34-----	A9205	90123456789012
MT2340	01				Vẽ mô hình thạch cao (đen trắng)	1079	Nguyễn Quang Hưng	4	123-----	A9205	90123456789012
TC1002	08				Giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	4	-----01-----	A9202	90123456789012
MT2445	01				Bổ cục cơ bản 1	1188	Nguyễn Hương Giang	5	1234-----	A9205	90123456789012
MT2312	01				Vẽ tĩnh vật (vẽ màu)	1159	Lương Công Tuyên	6	123-----	A9205	90123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1007	09				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tín chi)-Giáo dục thể chất A -2011 - 2014 (1109C13A) - Sĩ Số: 41 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
CD2210	01				Hội thi của thiếu nhi	1235	Phạm Anh Thế	2	-23-----	A7103	90123456789012
TC2212	01				Điền kinh 2 (Nhảy)	1199	Nguyễn Hoàng Điệp	2	---45-----	A7103	90123456789012
TC2205	01				Giải phẫu học	1015	Ng Thị Bích Thủy	3	12-----	A7103	90123456789012
TG2224	03				Giáo dục học đại cương 1	1153	Bùi Thị Hải Linh	3	--34-----	A10201	90123456789012
CD2209	01				H.động GD truyền thống và các hoạt động XH của Đội TNTP HCM	1235	Phạm Anh Thế	4	12-----	A7103	90123456789012
CD2202	01				Tổ chức và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh	1235	Phạm Anh Thế	4	--34-----	A7103	90123456789012
NN1301	06				Tiếng Anh (1)	1244	Phạm Lệ Thủy	5	123-----	A7103	90123456789012
TC2215	02				Cầu lông + Đá cầu	1199	Nguyễn Hoàng Điệp	5	---45-----	A7103	90123456789012
TG2323	03				Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	1013	Phan Thị Tuyên	6	123-----	A10201	90123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
QP1007	11			1	Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tín chi)-Giáo dục thể chất B (ĐC) -2011 - 2014 (1109C13B) - Sĩ Số: 1 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
CD2210	01				Hội thi của thiếu nhi	1235	Phạm Anh Thế	2	-23-----	A7103	90123456789012
TC2212	01				Điền kinh 2 (Nhảy)	1199	Nguyễn Hoàng Điệp	2	---45-----	A7103	90123456789012
TC2205	01				Giải phẫu học	1015	Ng Thị Bích Thủy	3	12-----	A7103	90123456789012
TG2224	03				Giáo dục học đại cương 1	1153	Bùi Thị Hải Linh	3	--34-----	A10201	90123456789012
CD2209	01				H.động GD truyền thống và các hoạt động XH của Đội TNTP HCM	1235	Phạm Anh Thế	4	12-----	A7103	90123456789012
CD2202	01				Tổ chức và hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh	1235	Phạm Anh Thế	4	--34-----	A7103	90123456789012
TG2323	03				Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	1013	Phan Thị Tuyên	6	123-----	A10201	90123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NN1301	07				Tiếng Anh (1)			*			90123456789012
QP1007	06				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			90123456789012
QP1007	11			1	Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tín chi)-SP Âm nhạc A -2011 - 2014 (1109C26A) - Sĩ Số: 13 - Nhạc - Hoạ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NN1301	05			1	Tiếng Anh (1)	1244	Phạm Lệ Thủy	2	-234-----	A9205	90123456789012
TI1201	03			1	Tin học cơ sở	1046	Vũ Ngọc Trì	3	12-----	A9205	90123456789012
TG2224	03				Giáo dục học đại cương 1	1153	Bùi Thị Hải Linh	3	--34-----	A10201	90123456789012
AN2209	01				Thanh nhạc 1	1077	Bùi Thị Mai Lan	3	-----8901-----		90123456789012
AN2334	01				Kí - xướng âm 2	1068	Phạm Thị Lộc	4	123-----	A9203	90123456789012
TC1002	08			1	Giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	4	-----01-----	A9202	90123456789012
AN2206	01				Lí thuyết âm nhạc cơ bản 2	1167	Tạ Thị Thu Hiền	5	12-----	A9203	90123456789012
AN2211	01				Phương pháp học đàn phím điện tử 1	1229	Đỗ Thị Nhung	5	-----8901-----		90123456789012
TG2323	03				Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	1013	Phan Thị Tuyên	6	123-----	A10201	90123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TC1002	09				Giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	*			90123456789012
TI1201	04				Tin học cơ sở	1046	Vũ Ngọc Trì	*			90123456789012
QP1007	10			1	Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Cao đẳng (Tin chi)-SP Âm nhạc B (ĐC) -2011 - 2014 (1109C26B) - Sĩ Số: 1 - Nhạc - Hoạ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NN1301	05			1	Tiếng Anh (1)	1244	Phạm Lệ Thủy	2	-234-----	A9205	90123456789012
TI1201	03			1	Tin học cơ sở	1046	Vũ Ngọc Trì	3	12-----	A9205	90123456789012
TG2224	03			1	Giáo dục học đại cương 1	1153	Bùi Thị Hải Linh	3	--34-----	A10201	90123456789012
AN2209	01				Thanh nhạc 1	1077	Bùi Thị Mai Lan	3	-----8901-----		90123456789012
AN2334	01				Kí - xướng âm 2	1068	Phạm Thị Lộc	4	123-----	A9203	90123456789012
AN2206	01				Lí thuyết âm nhạc cơ bản 2	1167	Tạ Thị Thu Hiền	5	12-----	A9203	90123456789012
AN2211	01				Phương pháp học đàn phím điện tử 1	1229	Đỗ Thị Nhung	5	-----8901-----		90123456789012
TG2323	03			1	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	1013	Phan Thị Tuyên	6	123-----	A10201	90123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NN1301	09				Tiếng Anh (1)			*			90123456789012
QP1007	08				Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			90123456789012
TC1002	10				Giáo dục thể chất			*			90123456789012
TI1201	05				Tin học cơ sở			*			90123456789012
QP1007	10			1	Giáo dục quốc phòng và an ninh			*			
TC1002	09			1	Giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	*			90123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Toán học A - 2011 - 2015 (1109D01A) - Sĩ Số: 50 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TN1205	02				Maple	1172	Trần Anh Tuấn	2	-23-----	N333	7890123456789012
TN2218	01				Đại số cao cấp 1	1171	Hà Ngọc Phú	2	---45-----	N333	7890123456789012
NN1301	10				Tiếng Anh (1)	1157	Ng Thị Ngọc Thủy	3	123-----	N333	7890123456789012
TC1003	01				Giáo dục thể chất	1406	Nguyễn Toàn Chung Chung	3	-----01-----	N333	7890123456789012
TN2416	01				Giải tích toán học 2	1028	Nguyễn Tân Sơn	4	1234-----	N333	7890123456789012
TN1303	01				Hình học giải tích	1106	Ng Thị Thanh Tâm	5	123-----	N333	7890123456789012
TG1205	04				Tâm lý học đại cương	1158	Lê Thị Xuân Thu	6	-23-----	HDH301	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Toán học B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D01B) - Sĩ Số: 8 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TN1205	02				Maple	1172	Trần Anh Tuấn	2	-23-----	N333	7890123456789012
TN2218	01				Đại số cao cấp 1	1171	Hà Ngọc Phú	2	---45-----	N333	7890123456789012
TN2416	01				Giải tích toán học 2	1028	Nguyễn Tân Sơn	4	1234-----	N333	7890123456789012
TN1303	01				Hình học giải tích	1106	Ng Thị Thanh Tâm	5	123-----	N333	7890123456789012
TG1205	04				Tâm lý học đại cương	1158	Lê Thị Xuân Thu	6	-23-----	HDH301	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NN1301	11				Tiếng Anh (1)			*			90123456789012
TC1003	02				Giáo dục thể chất			*			90123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Ngữ văn A - 2011 - 2015 (1109D02A) - Sĩ Số: 55 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NV2217	01				Thực hành văn bản tiếng Việt	1051	Quách Ph Ph Nhân	2	-23-----	N111	7890123456789012
TG1205	02				Tâm lý học đại cương	1116	Bùi Thị Loan	2	---45-----	HDH301	7890123456789012
NN1301	12				Tiếng Anh (1)	1073	Ng Thị Thu Hằng	3	123-----	N111	7890123456789012
NV2323	01				Văn học Việt Nam trung đại I (Khái quát TK X - TKXVII)	1137	Hán Thị Thu Hiền	4	123-----	N111	7890123456789012
TC1002	11				Giáo dục thể chất	1283	Td Phong	4	-----01-----	N131	7890123456789012
LS1203	01				Lịch sử văn minh thế giới 1	1152	Đỗ Thị Bích Liên	5	12-----	N111	7890123456789012
NV2318	01				Văn học, nhà văn, bạn đọc (LLVH 1)	1200	Đình Văn Thuận	6	123-----	N111	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NV2315	01				Văn bản Hán văn Trung Quốc	XH01	KHXH & NV XH01	*			7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phụ Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Ngữ văn B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D02B) - Sĩ Số: 19 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NV2217	01				Thực hành văn bản tiếng Việt	1051	Quách Ph Ph Nhân	2	-23-----	N111	7890123456789012
TG1205	02				Tâm lý học đại cương	1116	Bùi Thị Loan	2	---45-----	HDH301	7890123456789012
NN1301	12			1	Tiếng Anh (1)	1073	Ng Thị Thu Hằng	3	123-----	N111	7890123456789012
NV2323	01				Văn học Việt Nam trung đại I (Khái quát TK X - TKXVII)	1137	Hán Thị Thu Hiền	4	123-----	N111	7890123456789012
TC1002	11			1	Giáo dục thể chất	1283	Td Phong	4	-----01-----	N131	7890123456789012
LS1203	01				Lịch sử văn minh thế giới 1	1152	Đỗ Thị Bích Liên	5	12-----	N111	7890123456789012
NV2318	01				Văn học, nhà văn, bạn đọc (LLVH 1)	1200	Đình Văn Thuận	6	123-----	N111	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NN1301	13				Tiếng Anh (1)			*			90123456789012
NV2315	01				Văn bản Hán văn Trung Quốc	XH01	KHXH & NV XH01	*			7890123456789012
TC1002	12				Giáo dục thể chất			*			90123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- GD Tiểu học A - 2011 - 2015 (1109D03A) - Sĩ Số: 53 - GDTH & Mầm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
SH1204	01				Giáo dục môi trường	1170	Trần Thị Mai Lan	2	-23-----	A6104	7890123456789012
VN1251	02				Cơ sở văn hoá Việt Nam 1	1219	Nguyễn Thị Huyền	2	---45-----	A6104	23456789012
TG1212	03				Giao tiếp sư phạm	1116	Bùi Thị Loan	3	12-----	A6104	7890123456789012
TH1223	01				Toán sơ cấp	1267	Nguyễn Thị Thanh Tuyên	3	--34-----	A6104	7890123456789012
TC1002	13				Giáo dục thể chất	1258	Cao Huy Tiến	3	-----01-----		7890123456789012
NN1301	14				Tiếng Anh (1)	1070	Phạm Thị Kim Cúc	4	-234-----	A6104	7890123456789012
TG2222	01				Tâm lý học đại cương 1	1013	Phan Thị Tuyên	5	12-----	A6104	7890123456789012
TH2304	01				Tiếng Việt 1	1040	Trần Văn Thục	5	--34-----	A6104	7890123456789012
TH1203	01				Phong cách học Tiếng Việt	1087	Nguyễn T.Thu Thuỷ	6	12-----	A6104	7890123456789012
TI1201	06				Tin học cơ sở	1046	Vũ Ngọc Trì	6	--34-----	A6104	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- GD Tiểu học B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D03B) - Sĩ Số: 11 - GDTH & Mâm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
SH1204	01				Giáo dục môi trường	1170	Trần Thị Mai Lan	2	-23-----	A6104	7890123456789012
VN1251	02				Cơ sở văn hoá Việt Nam 1	1219	Nguyễn Thị Huyền	2	---45-----	A6104	23456789012
TG1212	03				Giao tiếp sư phạm	1116	Bùi Thị Loan	3	12-----	A6104	7890123456789012
TH1223	01				Toán sơ cấp	1267	Nguyễn Thị Thanh Tuyên	3	--34-----	A6104	7890123456789012
TC1002	13			1	Giáo dục thể chất	1258	Cao Huy Tiến	3	-----01-----		7890123456789012
NN1301	14			1	Tiếng Anh (1)	1070	Phạm Thị Kim Cúc	4	-234-----	A6104	7890123456789012
TG2222	01				Tâm lý học đại cương 1	1013	Phan Thị Tuyên	5	12-----	A6104	7890123456789012
TH2304	01			1	Tiếng Việt 1	1040	Trần Văn Thục	5	--34-----	A6104	7890123456789012
TH1203	01				Phong cách học Tiếng Việt	1087	Nguyễn T.Thu Thuỷ	6	12-----	A6104	7890123456789012
TI1201	06			1	Tin học cơ sở	1046	Vũ Ngọc Trì	6	--34-----	A6104	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- GD Mầm non A - 2011 - 2015 (1109D05A) - Sĩ Số: 55 - GDTH & Mầm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TG1205	01				Tâm lý học đại cương	1023	Cù Lan Thọ	2	-23-----	A6205	7890123456789012
TG2213	01				Tâm lý học trẻ em 1	1023	Cù Lan Thọ	2	---45-----	A6205	7890123456789012
TG1212	04				Giao tiếp sư phạm	1013	Phan Thị Tuyên	3	12-----	A6205	7890123456789012
NN1301	16				Tiếng Anh (1)	1070	Phạm Thị Kim Cúc	3	--345-----	A6205	7890123456789012
TC1002	15				Giáo dục thể chất	1015	Ng Thị Bích Thủy	3	-----01-----		7890123456789012
MN2306	01				Lý luận văn học và văn học trẻ em	1086	Nguyễn Xuân Huy	4	123-----	A6205	7890123456789012
TG1219	01				Tổ chức các hoạt động theo hướng tích hợp	1047	Lê Quang Toán	5	--34-----	A6205	7890123456789012
TI1201	08				Tin học cơ sở	1046	Vũ Ngọc Trì	6	12-----	A6205	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- GD Mầm non B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D05B) - Sĩ Số: 32 - GDTH & Mầm non**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TG1205	01				Tâm lý học đại cương	1023	Cù Lan Thọ	2	-23-----	A6205	7890123456789012
TG2213	01			1	Tâm lý học trẻ em 1	1023	Cù Lan Thọ	2	---45-----	A6205	7890123456789012
TG1212	04				Giao tiếp sư phạm	1013	Phan Thị Tuyên	3	12-----	A6205	7890123456789012
NN1301	16			1	Tiếng Anh (1)	1070	Phạm Thị Kim Cúc	3	--345-----	A6205	7890123456789012
TC1002	15			1	Giáo dục thể chất	1015	Ng Thị Bích Thủy	3	-----01-----		7890123456789012
MN2306	01				Lý luận văn học và văn học trẻ em	1086	Nguyễn Xuân Huy	4	123-----	A6205	7890123456789012
TG1219	01				Tổ chức các hoạt động theo hướng tích hợp	1047	Lê Quang Toán	5	--34-----	A6205	7890123456789012
TI1201	08			1	Tin học cơ sở	1046	Vũ Ngọc Trì	6	12-----	A6205	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Địa lý A - 2011 - 2015 (1109D06A) - Sĩ Số: 45 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NV1201	03				Tiếng Việt thực hành	1137	Hán Thị Thu Hiền	2	-23-----	N114	7890123456789012
DL2532	01				Địa lý tự nhiên đại cương 1 (Trái đất - Thạch quyển)	1117	Đào Thị Kim Quế	3	123-----	N114	7890123456789012
TN1262	02				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	3	---45-----	N114	7890123456789012
TC1002	17				Giáo dục thể chất	1283	Td Phong	3	-----89-----		7890123456789012
LC1206	02				Thống kê xã hội	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	4	12-----	N114	7890123456789012
NN1301	18				Tiếng Anh (1)	1264	Đào Thị Thùy Hương	5	123-----	N114	7890123456789012
DL2532	01	01			Địa lý tự nhiên đại cương 1 (Trái đất - Thạch quyển)	1117	Đào Thị Kim Quế	5	---45-----	N114	7890123456789012
TG1205	04				Tâm lý học đại cương	1158	Lê Thị Xuân Thu	6	-23-----	HDH301	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
KT1221	02				Kinh tế học đại cương	1100	Trần Thị Bích Nhân	*			7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Địa lý B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D06B) - Sĩ Số: 13 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NV1201	03				Tiếng Việt thực hành	1137	Hán Thị Thu Hiền	2	-23-----	N114	7890123456789012
DL2532	01			1	Địa lý tự nhiên đại cương 1 (Trái đất - Thạch quyển)	1117	Đào Thị Kim Quế	3	123-----	N114	7890123456789012
TN1262	02				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	3	---45-----	N114	7890123456789012
TC1002	17			1	Giáo dục thể chất	1283	Td Phong	3	-----89-----		7890123456789012
LC1206	02				Thống kê xã hội	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	4	12-----	N114	7890123456789012
NN1301	18			1	Tiếng Anh (1)	1264	Đào Thị Thùy Hương	5	123-----	N114	7890123456789012
DL2532	01	01		1	Địa lý tự nhiên đại cương 1 (Trái đất - Thạch quyển)	1117	Đào Thị Kim Quế	5	---45-----	N114	7890123456789012
TG1205	04				Tâm lý học đại cương	1158	Lê Thị Xuân Thu	6	-23-----	HDH301	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
KT1221	02				Kinh tế học đại cương	1100	Trần Thị Bích Nhân	*			7890123456789012
NN1301	19				Tiếng Anh (1)			*			90123456789012
TC1002	18				Giáo dục thể chất			*			90123456789012

In Ngày 03/02/12

Phụ Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Sử - GDCD A - 2011 - 2015 (1109D09A) - Sĩ Số: 46 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LS2514	01	01			Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	1083	Triệu T. Hương Liên	2	-23-----	N112	7890123456789012
TG1205	02				Tâm lý học đại cương	1116	Bùi Thị Loan	2	---45-----	HDH301	7890123456789012
NN1301	20				Tiếng Anh (1)	1097	Ng Thị Bạch Dương	3	123-----	N112	7890123456789012
LS2514	01				Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	1083	Triệu T. Hương Liên	4	123-----	N112	7890123456789012
LC2208	02				Chính trị học đại cương	1034	Bùi Thị Lý	5	12-----	N112	7890123456789012
TC1002	19				Giáo dục thể chất	1283	Td Phong	5	-----89-----		7890123456789012
LC2409	02				Pháp luật chuyên ngành	1251	Nguyễn Xuân Thuý	6	1234-----	N112	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Sử - GDCD B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D09B) - Sĩ Số: 27 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
LS2514	01	01			Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	1083	Triệu T. Hương Liên	2	-23-----	N112	7890123456789012
TG1205	02				Tâm lý học đại cương	1116	Bùi Thị Loan	2	---45-----	HDH301	7890123456789012
NN1301	20			1	Tiếng Anh (1)	1097	Ng Thị Bạch Dương	3	123-----	N112	7890123456789012
LS2514	01				Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	1083	Triệu T. Hương Liên	4	123-----	N112	7890123456789012
LC2208	02				Chính trị học đại cương	1034	Bùi Thị Lý	5	12-----	N112	7890123456789012
TC1002	19			1	Giáo dục thể chất	1283	Td Phong	5	-----89-----		7890123456789012
LC2409	02				Pháp luật chuyên ngành	1251	Nguyễn Xuân Thuý	6	1234-----	N112	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Kế toán A - 2011 - 2015 (1109D10A) - Sĩ Số: 76 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TI1201	10				Tin học cơ sở	1072	Lê Quang Khải	2	-23-----	N232	7890123456789012
TN1262	03				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	2	---45-----	N232	7890123456789012
KE2301	01				Nguyên lý kế toán	1104	Phùng T Khang Ninh	3	123-----	N232	7890123456789012
KT2309	01				Kinh tế vĩ mô 1	1094	Ngô Thị Thanh Tú	4	-234-----	N232	7890123456789012
TC1002	21				Giáo dục thể chất	1240	Đặng Thành Trung	4	-----89-----	N131	7890123456789012
NN1301	22				Tiếng Anh (1)	1141	Nguyễn Thị Tố Loan	5	123-----	N232	7890123456789012
KT1201	01				Lịch sử các học thuyết kinh tế	1014	Đỗ Ngọc Sơn	6	12-----	HDH403	7890123456789012
LC1205	02				Xã hội học đại cương	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	6	--34-----	HDH403	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Kế toán B - 2011 - 2015 (1109D10B) - Sĩ Số: 45 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NN1301	23				Tiếng Anh (1)	1070	Phạm Thị Kim Cúc	2	-234-----	N233	7890123456789012
KT2309	02				Kinh tế vĩ mô 1	1094	Ngô Thị Thanh Tú	3	-234-----	N233	7890123456789012
KE2301	02				Nguyên lý kế toán	1108	Phạm Thị Nhị An	4	123-----	N233	7890123456789012
TN1262	04				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	4	---45-----	N233	7890123456789012
TI1201	11				Tin học cơ sở	1072	Lê Quang Khải	5	--34-----	N233	7890123456789012
TC1002	22				Giáo dục thể chất	1278	Nguyễn Thanh Thủy	5	-----90-----		7890123456789012
KT1201	01				Lịch sử các học thuyết kinh tế	1014	Đỗ Ngọc Sơn	6	12-----	HDH403	7890123456789012
LC1205	02				Xã hội học đại cương	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	6	---34-----	HDH403	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Kế toán C (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D10C) - Sĩ Số: 31 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KT2309	02				Kinh tế vi mô 1	1094	Ngô Thị Thanh Tú	3	-234-----	N233	7890123456789012
KE2301	02				Nguyên lý kế toán	1108	Phạm Thị Nhị An	4	123-----	N233	7890123456789012
TN1262	04				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	4	---45-----	N233	7890123456789012
KT1201	01				Lịch sử các học thuyết kinh tế	1014	Đỗ Ngọc Sơn	6	12-----	HDH403	7890123456789012
LC1205	02				Xã hội học đại cương	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	6	--34-----	HDH403	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NN1301	24				Tiếng Anh (1)			*			90123456789012
TC1002	23				Giáo dục thể chất			*			90123456789012
TI1201	12				Tin học cơ sở			*			90123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Quản trị kinh doanh A - 2011 - 2015 (1109D11A) - Sĩ Số: 65 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KE2301	03				Nguyên lý kế toán	1408	Lê Quang Nhân	2	-234-----	N222	7890123456789012
KT1201	02				Lịch sử các học thuyết kinh tế	1014	Đỗ Ngọc Sơn	3	12-----	N222	7890123456789012
TI1201	13				Tin học cơ sở	1277	Nguyễn Ngọc Thạch	3	--34-----	N222	7890123456789012
TN1262	05				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	4	12-----	N222	7890123456789012
LC1205	03				Xã hội học đại cương	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	4	--34-----	N222	7890123456789012
TC1002	24				Giáo dục thể chất	1240	Đặng Thành Trung	4	-----01-----	N231	7890123456789012
KT2309	03				Kinh tế vi mô 1	1094	Ngô Thị Thanh Tú	5	-234-----	N222	7890123456789012
NN1301	25				Tiếng Anh (1)	1264	Đào Thị Thùy Hương	6	123-----	N222	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Quản trị kinh doanh B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D11B) - Sĩ Số: 16 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KE2301	03				Nguyên lý kế toán	1408	Lê Quang Nhân	2	-234-----	N222	7890123456789012
KT1201	02				Lịch sử các học thuyết kinh tế	1014	Đỗ Ngọc Sơn	3	12-----	N222	7890123456789012
TI1201	13			1	Tin học cơ sở	1277	Nguyễn Ngọc Thạch	3	--34-----	N222	7890123456789012
TN1262	05				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	4	12-----	N222	7890123456789012
LC1205	03				Xã hội học đại cương	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	4	--34-----	N222	7890123456789012
TC1002	24			1	Giáo dục thể chất	1240	Đặng Thành Trung	4	-----01-----	N231	7890123456789012
KT2309	03				Kinh tế vi mô 1	1094	Ngô Thị Thanh Tú	5	-234-----	N222	7890123456789012
NN1301	25			1	Tiếng Anh (1)	1264	Đào Thị Thùy Hương	6	123-----	N222	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Khoa học cây trồng A - 2011 - 2015 (1109D12A) - Sĩ Số: 32 - Nông - Lâm - Ngư**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TN1262	06				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	2	-23-----	N342	7890123456789012
CN2201	01				Vi sinh vật đại cương	1218	Nguyễn Thị Ngọc Liên	2	---45-----	N342	7890123456789012
HH1209	01				Hóa phân tích	1193	Phạm Thị Việt Hà	3	12-----	N342	7890123456789012
VL1253	01				Vật lý đại cương	1114	Ng Thị Thanh Vân	3	--34-----	N342	7890123456789012
LN1201	01				Sinh thái môi trường	1092	Nguyễn Đắc Triển	4	12-----	N342	7890123456789012
NV1201	06			1	Tiếng Việt thực hành	1200	Đình Văn Thuần	4	--34-----	N342	7890123456789012
SH1260	01				Sinh học phân tử	1257	Vũ Xuân Dương	5	12-----	N342	7890123456789012
TC1002	26				Giáo dục thể chất	1407	Lương Thị Thúy Hồng	5	-----89-----		7890123456789012
NN1301	27				Tiếng Anh (1)	1097	Ng Thị Bạch Dương	6	123-----	N342	7890123456789012
DL1222	01			1	Địa lý thực vật	1168	Trần T Bích Hường	6	---45-----	N342	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
KT1230	01				Phát triển nông thôn			*			7890123456789012
TT1240	01				Sinh thái học nông nghiệp			*			7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Chăn nuôi - Thú y A - 2011 - 2015 (1109D13A) - Sĩ Số: 30 - Nông - Lâm - Ngư**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TN1262	06				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	2	-23-----	N342	7890123456789012
CN2201	01				Vi sinh vật đại cương	1218	Nguyễn Thị Ngọc Liên	2	---45-----	N342	7890123456789012
HH1209	01				Hóa phân tích	1193	Phạm Thị Việt Hà	3	12-----	N342	7890123456789012
VL1253	01			1	Vật lý đại cương	1114	Ng Thị Thanh Vân	3	--34-----	N342	7890123456789012
LN1201	01				Sinh thái môi trường	1092	Nguyễn Đắc Triển	4	12-----	N342	7890123456789012
NV1201	06			1	Tiếng Việt thực hành	1200	Đình Văn Thuần	4	--34-----	N342	7890123456789012
TT1236	01				Trồng trọt đại cương	1155	Hoàng Mai Thảo	4	-----78-----	N343	7890123456789012
NN1301	28				Tiếng Anh (1)	1157	Ng Thị Ngọc Thủy	5	-234-----	N343	7890123456789012
TC1002	27				Giáo dục thể chất			5	-----89-----	N343	7890123456789012
SH1209	01				Động vật học	1198	Trần Thị Ngọc Diệp	6	12-----	N343	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
CN1211	01				Hệ thống nông nghiệp			*			7890123456789012

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Công nghệ thông tin A - 2011 - 2015 (1109D15A) - Sĩ Số: 41 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NN1301	29				Tiếng Anh (1)	1157	Ng Thị Ngọc Thuỷ	2	-234-----	N313	7890123456789012
TN1260	01				Toán cao cấp A2	1247	Lưu Thị Thu Huyền	3	12-----	N313	7890123456789012
TI1208	02				Thực hành kỹ năng máy tính	1144	Vũ Thị Thu Minh	3	--34-----	N313	7890123456789012
TI2309	01				Toán rời rạc	1403	Nguyễn Hùng Cường	4	12-----	N313	7890123456789012
TI1206	01				Kỹ thuật số	1403	Nguyễn Hùng Cường	4	--34-----	N313	7890123456789012
VL1252	01				Vật lý đại cương A2	1180	Ng Thị Hồng Thoa	5	12-----	N313	7890123456789012
TI1205	01				Quản lý hệ thống máy tính	1072	Lê Quang Khải	6	12-----	N313	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
TC1002	28				Giáo dục thể chất	1283	Td Phong	*			7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Công nghệ thông tin B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D15B) - Sĩ Số: 7 - Toán - Công nghệ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NN1301	29			1	Tiếng Anh (1)	1157	Ng Thị Ngọc Thuý	2	-234-----	N313	7890123456789012
TN1260	01				Toán cao cấp A2	1247	Lưu Thị Thu Huyền	3	12-----	N313	7890123456789012
TI1208	02				Thực hành kỹ năng máy tính	1144	Vũ Thị Thu Minh	3	--34-----	N313	7890123456789012
TI2309	01				Toán rời rạc	1403	Nguyễn Hùng Cường	4	12-----	N313	7890123456789012
TI1206	01				Kỹ thuật số	1403	Nguyễn Hùng Cường	4	--34-----	N313	7890123456789012
VL1252	01				Vật lý đại cương A2	1180	Ng Thị Hồng Thoa	5	12-----	N313	7890123456789012
TI1205	01				Quản lý hệ thống máy tính	1072	Lê Quang Khải	6	12-----	N313	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NN1301	30				Tiếng Anh (1)			*			90123456789012
TC1002	29				Giáo dục thể chất			*			90123456789012
TC1002	28			1	Giáo dục thể chất	1283	Td Phong	*			7890123456789012

In Ngày 03/02/12

Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012  
Người lập biểu

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Tài chính - Ngân hàng A - 2011 - 2015 (1109D16A) - Sĩ Số: 72 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NN1301	31				Tiếng Anh (1)	1073	Ng Thị Thu Hằng	2	-234-----	N241	7890123456789012
TI1201	15				Tin học cơ sở	1277	Nguyễn Ngọc Thạch	3	12-----	N241	7890123456789012
LC1205	04				Xã hội học đại cương	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	3	--34-----	N122	7890123456789012
TC1002	30				Giáo dục thể chất	1407	Lương Thị Thúy Hồng	3	-----89-----	N213	7890123456789012
KT1201	03				Lịch sử các học thuyết kinh tế	1014	Đỗ Ngọc Sơn	4	12-----	HDH301	7890123456789012
TN1262	08				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	5	12-----	N241	7890123456789012
KE2301	04				Nguyên lý kế toán	1282	Lại Văn Đức	5	--345-----	N241	7890123456789012
KT2309	04				Kinh tế vĩ mô 1	1094	Ngô Thị Thanh Tú	6	-234-----	N241	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Tài chính - Ngân hàng B - 2011 - 2015 (1109D16B) - Sĩ Số: 44 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KT2309	05				Kinh tế vĩ mô 1	1094	Ngô Thị Thanh Tú	2	-234-----	N242	7890123456789012
LC1205	04				Xã hội học đại cương	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	3	--34-----	N122	7890123456789012
TC1002	31				Giáo dục thể chất	1407	Lương Thị Thúy Hồng	3	-----01-----		7890123456789012
KT1201	03				Lịch sử các học thuyết kinh tế	1014	Đỗ Ngọc Sơn	4	12-----	HDH301	7890123456789012
KE2301	05				Nguyên lý kế toán	1282	Lại Văn Đức	4	--345-----	N242	7890123456789012
TI1201	16				Tin học cơ sở	1277	Nguyễn Ngọc Thạch	5	12-----	N242	7890123456789012
TN1262	09				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	5	--34-----	N242	7890123456789012
NN1301	32				Tiếng Anh (1)	1265	Nguyễn Thành Long	6	123-----	N242	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Tài chính - Ngân hàng C (ĐC) - 2011 - 201 (1109D16C) - Sĩ Số: 27 - Kinh tế & QTKD**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
KT2309	05				Kinh tế vi mô 1	1094	Ngô Thị Thanh Tú	2	-234-----	N242	7890123456789012
LC1205	04				Xã hội học đại cương	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	3	--34-----	N122	7890123456789012
KT1201	03				Lịch sử các học thuyết kinh tế	1014	Đỗ Ngọc Sơn	4	12-----	HDH301	7890123456789012
KE2301	05				Nguyên lý kế toán	1282	Lại Văn Đức	4	--345-----	N242	7890123456789012
TN1262	09				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	5	--34-----	N242	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NN1301	33				Tiếng Anh (1)			*			90123456789012
TC1002	32				Giáo dục thể chất			*			90123456789012
TI1201	17				Tin học cơ sở			*			90123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Việt Nam học A - 2011 - 2015 (1109D17A) - Sĩ Số: 52 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
VN2321	01				Cơ sở văn hoá Việt Nam 2	1040	Trần Văn Thục	2	-234-----	N113	7890123456789012
VN2116	01				Thực tế văn hoá, văn học dân gian	1200	Đình Văn Thuần	2	----5-----	N113	7890123456789012
LC1206	03				Thống kê xã hội	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	3	12-----	N113	7890123456789012
VN2219	01				Cơ sở ngôn ngữ học	1175	Nguyễn Khắc Phúc	4	12-----	N113	7890123456789012
VN2322	01				Lịch sử văn học Việt Nam 1	1191	Đặng Thị Bích Hồng	4	--345-----	N113	7890123456789012
NN1301	34				Tiếng Anh (1)	1070	Phạm Thị Kim Cúc	5	-234-----	N113	7890123456789012
VN2210	01				Nhập môn khu vực học	1040	Trần Văn Thục	6	12-----	N113	7890123456789012
VN2231	01				Lịch sử Việt Nam 2	1083	Triệu T. Hương Liên	6	--345-----	N113	7890123456789012
TC1002	33				Giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	6	-----89-----	N134	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Việt Nam học B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D17B) - Sĩ Số: 5 - KHXH & NV**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
VN2321	01				Cơ sở văn hoá Việt Nam 2	1040	Trần Văn Thục	2	-234-----	N113	7890123456789012
VN2116	01				Thực tế văn hoá, văn học dân gian	1200	Đình Văn Thuần	2	----5-----	N113	7890123456789012
LC1206	03				Thống kê xã hội	1131	Hoàng Thị Thúy Hà	3	12-----	N113	7890123456789012
VN2219	01				Cơ sở ngôn ngữ học	1175	Nguyễn Khắc Phúc	4	12-----	N113	7890123456789012
VN2322	01			1	Lịch sử văn học Việt Nam 1	1191	Đặng Thị Bích Hồng	4	--345-----	N113	7890123456789012
NN1301	34			1	Tiếng Anh (1)	1070	Phạm Thị Kim Cúc	5	-234-----	N113	7890123456789012
VN2210	01				Nhập môn khu vực học	1040	Trần Văn Thục	6	12-----	N113	7890123456789012
VN2231	01				Lịch sử Việt Nam 2	1083	Triệu T. Hương Liên	6	--345-----	N113	7890123456789012
TC1002	33			1	Giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	6	-----89-----	N134	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Ngôn ngữ Trung Quốc A - 2011 - 2015 (1109D18A) - Sĩ Số: 36 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
TQ2349	01				Viết 2	1135	Ng Thị Ngọc Dung	2	-234-----	N121	7890123456789012
TQ2346	01				Nghe 2	1253	Chu Thị Tú Anh	3	123-----	N121	7890123456789012
TQ2348	01				Đọc 2	1202	Nguyễn Minh Huệ	4	123-----	N121	7890123456789012
TC1002	35				Giáo dục thể chất	1283	Td Phong	4	-----89-----		7890123456789012
TI1201	18				Tin học cơ sở	1206	Nông Thị Lý	5	12-----	N121	7890123456789012
NV1202	01				Tiếng Việt	1175	Nguyễn Khắc Phúc	5	--345-----	N121	7890123456789012
NN1301	36				Tiếng Anh (1)	1071	Phạm Thị Thu Hương	6	123-----	N121	7890123456789012
TQ2247	01				Nói 2	1279	Giang	6	---45-----	N121	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- Ngôn ngữ Trung Quốc B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D18B) - Sĩ Số: 4 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học
											12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
NV1202	01				Tiếng Việt	1175	Nguyễn Khắc Phúc	5	--345-----	N121	7890123456789012
<b>Các Môn Chưa Xếp/Không Xếp TKB</b>											
NN1301	37				Tiếng Anh (1)			*			90123456789012
TC1002	36				Giáo dục thể chất			*			90123456789012
TI1201	19				Tin học cơ sở			*			90123456789012
TQ2247	02				Nói 2			*			90123456789012
TQ2346	02				Nghe 2			*			90123456789012
TQ2348	02				Đọc 2			*			90123456789012
TQ2349	02				Viết 2			*			90123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Sinh học A - 2011 - 2015 (1109D23A) - Sĩ Số: 57 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
HH1250	01				Hóa học hữu cơ	1091	Triệu Quý Hùng	2	-23-----	N131	7890123456789012
SH2316	01				Sinh học phân tử	1257	Vũ Xuân Dương	3	123-----	N131	7890123456789012
NN1301	38				Tiếng Anh (1)	1265	Nguyễn Thành Long	4	123-----	N131	7890123456789012
SH1203	01				Môi trường và con người	1007	Khuất Đăng Vinh	5	12-----	N131	7890123456789012
TN1262	10				Xác suất thống kê 1	1267	Nguyễn Thị Thanh Tuyên	6	-23-----	N131	7890123456789012
TG1205	03				Tâm lý học đại cương	1116	Bùi Thị Loan	6	---45-----	HDH301	7890123456789012
TC1002	37				Giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	6	-----01-----	N131	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Sinh học B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D23B) - Sĩ Số: 14 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
HH1250	01				Hóa học hữu cơ	1091	Triệu Quý Hùng	2	-23-----	N131	7890123456789012
SH2316	01				Sinh học phân tử	1257	Vũ Xuân Dương	3	123-----	N131	7890123456789012
NN1301	38			1	Tiếng Anh (1)	1265	Nguyễn Thành Long	4	123-----	N131	7890123456789012
SH1203	01				Môi trường và con người	1007	Khuất Đăng Vinh	5	12-----	N131	7890123456789012
TN1262	10				Xác suất thống kê 1	1267	Nguyễn Thị Thanh Tuyên	6	-23-----	N131	7890123456789012
TG1205	03				Tâm lý học đại cương	1116	Bùi Thị Loan	6	---45-----	HDH301	7890123456789012
TC1002	37			1	Giáo dục thể chất	1036	Vũ Doanh Đông	6	-----01-----	N131	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Hóa học A - 2011 - 2015 (1109D24A) - Sĩ Số: 54 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
HH2312	01				Hóa học đại cương 2	1088	Nguyễn T.Việt Thanh	2	-234-----	N134	7890123456789012
TN1262	11				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	3	12-----	N134	7890123456789012
TN1268	01				Phương trình vi phân	1172	Trần Anh Tuấn	3	--34-----	N134	7890123456789012
NN1301	40				Tiếng Anh (1)	1264	Đào Thị Thùy Hương	4	123-----	N134	7890123456789012
TC1002	39				Giáo dục thể chất	1407	Lương Thị Thúy Hồng	4	-----89-----	N134	7890123456789012
HH2311	01				Hóa học đại cương 1	1193	Phạm Thị Việt Hà	5	123-----	N134	7890123456789012
SH1205	02				Dân số-Môi trường-AIDS-Ma túy	1007	Khuất Đăng Vinh	5	---45-----	N134	7890123456789012
VL1252	02				Vật lý đại cương A2	1256	Nguyễn Long Tuyên	6	-23-----	N134	7890123456789012
TG1205	03				Tâm lý học đại cương	1116	Bùi Thị Loan	6	---45-----	HDH301	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Hóa học B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D24B) - Sĩ Số: 22 - Khoa học Tự nhiên**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
HH2312	01				Hóa học đại cương 2	1088	Nguyễn T.Việt Thanh	2	-234-----	N134	7890123456789012
TN1262	11				Xác suất thống kê 1	1201	Nguyễn Huyền Trang	3	12-----	N134	7890123456789012
TN1268	01				Phương trình vi phân	1172	Trần Anh Tuấn	3	--34-----	N134	7890123456789012
NN1301	40			1	Tiếng Anh (1)	1264	Đào Thị Thùy Hương	4	123-----	N134	7890123456789012
TC1002	39			1	Giáo dục thể chất	1407	Lương Thị Thúy Hồng	4	-----89-----	N134	7890123456789012
HH2311	01				Hóa học đại cương 1	1193	Phạm Thị Việt Hà	5	123-----	N134	7890123456789012
SH1205	02				Dân số-Môi trường-AIDS-Ma túy	1007	Khuất Đăng Vinh	5	---45-----	N134	7890123456789012
VL1252	02				Vật lý đại cương A2	1256	Nguyễn Long Tuyên	6	-23-----	N134	7890123456789012
TG1205	03				Tâm lý học đại cương	1116	Bùi Thị Loan	6	---45-----	HDH301	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Tiếng Anh A - 2011 - 2015 (1109D28A) - Sĩ Số: 51 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CGBD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
VN1251	03				Cơ sở văn hoá Việt Nam 1	1192	Bùi Huy Toàn	2	-23-----	N123	7890123456789012
TA2207	01				Độc 2	1054	Nguyễn Thị Hoa	2	---45-----	N123	7890123456789012
TA2208	01				Viết 2	1141	Nguyễn Thị Tổ Loan	3	12-----	N123	7890123456789012
NV1351	02				Tiếng Việt	1175	Nguyễn Khắc Phúc	3	--345-----	N123	7890123456789012
TA2206	01				Nói 2	1073	Ng Thị Thu Hằng	4	---45-----	N123	7890123456789012
TC1002	41				Giáo dục thể chất	1407	Lương Thị Thúy Hồng	4	-----01-----		7890123456789012
TI1201	20				Tin học cơ sở	1208	Đình Thái Sơn	5	12-----	N123	7890123456789012
TG1205	04				Tâm lý học đại cương	1158	Lê Thị Xuân Thu	6	-23-----	HDH301	7890123456789012
TA2205	01				Nghe 2 (Inter)	1071	Phạm Thị Thu Hương	6	---45-----	N123	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**

**Thời Khóa Biểu**  
Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

**Lớp: Đại học (Tín chỉ)- SP Tiếng Anh B (ĐC) - 2011 - 2015 (1109D28B) - Sĩ Số: 6 - Ngoại ngữ**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 19/12/11 (Tuần 19)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 19). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	Tổ TH	NL	Học phần	CBGD	Họ Tên CBGD	Thứ	Tiết Học	Phòng	Tuần Học 12345678901234567890123456
<b>Thời Khóa Biểu Học Tập</b>											
VN1251	03				Cơ sở văn hoá Việt Nam 1	1192	Bùi Huy Toàn	2	-23-----	N123	7890123456789012
TA2207	01			1	Độc 2	1054	Nguyễn Thị Hoa	2	---45-----	N123	7890123456789012
TA2208	01			1	Viết 2	1141	Nguyễn Thị Tổ Loan	3	12-----	N123	7890123456789012
NV1351	02				Tiếng Việt	1175	Nguyễn Khắc Phúc	3	--345-----	N123	7890123456789012
TA2206	01			1	Nói 2	1073	Ng Thị Thu Hằng	4	---45-----	N123	7890123456789012
TC1002	41			1	Giáo dục thể chất	1407	Lương Thị Thúy Hồng	4	-----01-----		7890123456789012
TI1201	20			1	Tin học cơ sở	1208	Đình Thái Sơn	5	12-----	N123	7890123456789012
TG1205	04				Tâm lý học đại cương	1158	Lê Thị Xuân Thu	6	-23-----	HDH301	7890123456789012
TA2205	01			1	Nghe 2 (Inter)	1071	Phạm Thị Thu Hương	6	---45-----	N123	7890123456789012

In Ngày 03/02/12

**Phú Thọ, Ngày 03 tháng 02 năm 2012**  
**Người lập biểu**